

Số: 77 /TTr-HĐQT

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BƯU ĐIỆN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (gọi tắt là: Đại hội) xem xét thông qua các nội dung sau:

A. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH.

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022, định hướng hoạt động năm 2023;
2. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022;
3. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2022; Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán; Kế hoạch SXKD năm 2023; Kế hoạch đầu tư năm 2023; Kế hoạch nghiên cứu phát triển sản phẩm mới năm 2023;
4. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022; Thù lao của HĐQT & BKS năm 2022; Phương án thù lao HĐQT & BKS 2023; Nguyên tắc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023;
5. Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2023 của Công ty.

B. CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG CHÍNH

NỘI DUNG 1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022 ; ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

I. Báo cáo kết quả chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2022 của HĐQT

1. Nhân sự HĐQT năm 2022:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trần Hải Vân	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lương Tuấn Phương	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Huyền Sơn	Thành viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Thành viên HĐQT

5	Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên HĐQT
6	Ông Lê Huy Đồng	Thành viên HĐQT
7	Ông Phạm Cảnh Huy	Thành viên HĐQT

2. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày văn bản	Nội dung
1	BB số: 37/BB-HĐQT	22/02/2022	Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ TN 2022
2	BB số: 215/BB-HĐQT	30/06/2022	Thông qua báo cáo sơ kết kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2022 và định hướng hoạt động 6 tháng cuối năm 2022; Thông qua tái cấp giới hạn tín dụng tại ngân hàng MSB, VIB và Vietinbank
3	BB số: 240/BB-HĐQT	27/07/2022	Thông qua ngày chốt DSCĐ để thanh toán cổ tức năm 2021
4	BB số: 337/BB-HĐQT	06/10/2022	Thông qua hạn mức tín dụng tại ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ
5	BB số: 338/BB-HĐQT	06/10/2022	Thông qua hạn mức tín dụng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Hà Thành
6	BB số: 339/BB-HĐQT	06/10/2022	Thông qua báo cáo sơ kết kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2022 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ các tháng cuối năm 2022
7	BB số: 423/BB-HĐQT	28/12/2022	Báo cáo đánh giá sơ kết hoạt động quý 4/2022, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch năm 2022
8	BB số: 424/BB-HĐQT	28/12/2022	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
9	BB số: 425/BB-HĐQT	28/12/2022	Thông qua hạn mức tín dụng tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội (Hà Tây)

3. Báo cáo về thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2022 :

STT	Đơn vị	Thù lao năm 2022 được hưởng (đồng)	Ghi chú
1	Hội đồng quản trị	194.694.540	Tính toán tại NỘI DUNG 4 – Mục 2
2	Ban kiểm soát	64.898.180	
	Cộng	259.592.720	

- Thù lao năm 2022 của HĐQT & BKS thực hiện theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và kết quả thực hiện năm 2022, thù lao cho từng thành viên được quyết toán theo nguyên tắc như sau:

(a) Căn cứ vào nhiệm vụ thực tế thực hiện của từng thành viên và mức độ đóng góp vào sự hoàn thành kế hoạch của Công ty.

(b) Tổng thù lao HĐQT & BKS được xem xét và thông qua tại NỘI DUNG 4 – Mục 2

4. Những nhiệm vụ trọng tâm HĐQT đã chỉ đạo thực hiện trong năm qua

- Thực hiện tinh thần nghị quyết mà ĐHĐCĐ thường niên 2022 đề ra, giám sát chỉ đạo điều hành Ban Tổng giám đốc để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được thông qua; Lựa chọn và ký kết hợp đồng kiểm toán với một trong bốn Công ty mà ĐHĐCĐ thường niên 2022 đã lựa chọn.

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc nỗ lực thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 tốt nhất có thể trong điều kiện tình hình thực tế.

5. Một số vấn đề còn tồn tại

- Chưa thực hiện được việc tăng vốn điều lệ nên thiếu vốn cho hoạt động SXKD, do vốn vay là chủ yếu, phải chịu chi phí lãi vay lớn nên giá thành sản phẩm khó cạnh tranh, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của công ty.

- Chưa thúc đẩy được việc tiêu thụ được sợi quang ra thị trường nước ngoài.

- Việc tiếp tục triển khai dự án đầu tư xây dựng còn chậm do còn một số vướng mắc về thủ tục, thay đổi cơ chế, chính sách.

II. Báo cáo chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Năm 2022, trong bối cảnh có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, mới hơn, phức tạp hơn. Tình hình thế giới biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường, nhiều vấn đề chưa có tiền lệ, vượt khả năng dự báo khi xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột Nga - Ucraina kéo dài; lạm phát tăng cao; nhiều quốc gia thắt chặt chính sách tiền tệ và tăng lãi suất; giá một số nguyên vật liệu đầu vào, hàng hóa cơ bản biến động mạnh, một số chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn; rủi ro trên các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản; tăng trưởng kinh tế suy giảm và có xu hướng suy thoái; hậu quả của dịch bệnh COVID-19 kéo dài, ảnh hưởng lớn tại nhiều quốc gia, khu vực. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi rất cơ bản, tình hình chính trị, xã hội ổn định, dịch bệnh được kiểm soát..., nền kinh tế phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đến từ những yếu tố bên ngoài và bên trong. Hậu quả dịch bệnh cần thời gian để khắc phục; tác động của nhiều yếu tố bất lợi từ bên ngoài tạo sức ép lớn đối với điều hành kinh tế vĩ mô; áp lực lạm phát tăng cao; nhiều thị trường lớn, truyền thống suy giảm; nợ xấu có xu hướng tăng; giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh, chi phí sản xuất, kinh doanh tăng; nhiều vấn đề tồn đọng kéo dài cần được giải quyết.

Tuy vậy, Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế phục hồi nhanh, các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm tăng 3,15%. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu ước đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5%, trong đó xuất khẩu đạt 371,85 tỷ USD, tăng 10,6%; cán cân thương mại duy trì xuất siêu năm thứ 7 liên tiếp, ước đạt 11,2 tỷ USD. GDP tăng 8,02%, nâng quy mô nền kinh tế lên 409 tỷ USD, bình quân đầu người đạt 4.110 USD.

Bên cạnh các kết quả đạt được là cơ bản, nước ta vẫn còn những tồn tại, hạn chế và khó khăn, thách thức. Kinh tế vĩ mô chưa thật ổn định vững chắc, sức ép lạm phát cao; sản xuất kinh doanh trong một số ngành, lĩnh vực gặp khó khăn.

Trong năm 2022, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng Công ty vẫn kiên trì bám sát thực hiện mục tiêu, tuy nhiên dự kiến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 sẽ không đạt được toàn diện như kế hoạch đã đề ra, dự kiến kết quả một số chỉ tiêu chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022 (ĐHĐCĐ đã thông qua) (đồng)	Dự kiến thực hiện năm 2022 (đồng)	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	1.229.500.000.000	1.481.192.077.495	120,47%
2	Lợi nhuận sau thuế (Hợp nhất BCTC)	19.300.000.000	15.270.804.492	79,12%
3	Cổ tức	7,6%	6,15%	80,92%

Năm 2022 là một năm có nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên HĐQT đã có những định hướng chiến lược cụ thể cho từng giai đoạn. Báo cáo các đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty năm 2022 như sau:

1. Với sự định hướng và chỉ đạo sát sao của HĐQT công ty, trong năm Công ty đã đạt được những kết quả sau:

- ❖ Bám sát chủ trương, định hướng chiến lược của Tập đoàn VNPT, Hội đồng quản trị công ty, Công ty vượt qua các khó khăn thách thức để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo các sản phẩm trọng điểm phục vụ cho ngành Viễn thông, vừa duy trì phù hợp đối với các sản phẩm truyền thống.
- ❖ Trên cơ sở định hướng, chiến lược VNPT 4.0 và chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn VNPT, Công ty đã chuẩn bị cho công tác chuyển đổi số Doanh nghiệp giai đoạn 2021 – 2025 và tiếp tục thực hiện từng bước cẩn trọng, tránh gây xáo trộn lớn trong năm 2022. Tuy năm 2022 không đạt được toàn diện các chỉ tiêu của ĐHCĐ thường niên năm 2022 nhưng công ty đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đều có kết quả tăng trưởng cao hơn so với năm 2021.
- ❖ Về nghiên cứu phát triển đề tài KHCN: Đã triển khai thực hiện một số đề tài khoa học công nghệ, sản phẩm mới theo nghị quyết ĐHCĐ, đăng ký với Tập đoàn VNPT, Bộ Thông tin và Truyền thông. Đồng thời đăng ký đề tài KHCN, sản phẩm mới trong năm 2022 theo chủ trương của Nhà nước và chỉ đạo của các Bộ, Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
- ❖ Về công tác đầu tư:

+ Dự án Công trình đa chức năng Postef tại số 61 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

- Ngày 01/02/2019 Công ty đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ335698 của Sở Tài nguyên Môi trường;
 - Dự án đã hoàn thành các thủ tục xin đấu nối điện, nước, PCCC với các Sở ban ngành;
 - Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND Thành phố Hà Nội điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Công trình Đa chức năng Postef;
 - Giấy phép xây dựng số: 83/GPXD ngày 08/12/2020 do Sở Xây dựng Hà Nội cấp;
 - Đã hoàn thiện thông báo khởi công được UBND Phường Điện Biên xác nhận.
 - Công ty đã hoàn thiện hồ sơ thủ tục khởi công dự án (phần ngầm) theo đúng quy định.
 - Đã được UBND quận Ba Đình cấp giấy phép tạm thời sử dụng hè phố (lần đầu) xung quanh khu vực triển khai dự án (Giấy phép số 23/GPHP-UBND ngày 25/01/2022 của UBND quận Ba Đình);
 - Văn bản số: 4571/VP-ĐT ngày 19/5/2022 của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội v/v thi tuyển phương án kiến trúc công trình đa chức năng Postef tại 61 Trần Phú, quận Ba Đình;
 - Văn bản số: 2337/QHKT-NĐ ngày 03/6/2022 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội v/v Quy hoạch kiến trúc dự án công trình đa chức năng Postef tại khu đất số 61 phố Trần Phú, phường Điện Biên, quận Ba Đình;
 - Đã hoàn thiện công tác thi tuyển phương án kiến trúc trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2022. Đang chuẩn bị hoàn thiện hồ sơ để báo cáo UBND thành phố Hà Nội, Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội đồng thời đã đăng tải kết quả thi tuyển phương án kiến trúc trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.
- + Dự án Nhà ở tổ hợp đa chức năng tại số 63 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội.**
- Dự án đã hoàn thành các công tác khoan khảo sát địa chất phục vụ công tác thiết kế, rà soát bom mìn, thăm định nhu cầu sử dụng đất tại Sở Tài nguyên Môi trường, thăm định hồ sơ thiết kế tại Bộ xây dựng, hoàn thành công tác thí nghiệm cọc nhồi...
 - Ngày 12/01/2022, UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số: 119/QĐ-UBND về việc cho Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện tiếp tục thuê đất tại số 63 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân – Hà Nội, Công ty đang hoàn thiện thủ tục giấy tờ để ký hợp đồng thuê đất mới. Vì vậy cần phải thực hiện các thủ tục tiếp theo hướng dẫn của UBND Thành phố Hà Nội.
 - Sở Tài Nguyên và Môi Trường đang hướng dẫn Công các thủ tục còn lại để Công ty ký hợp đồng thuê đất theo quy định.

- Các thủ tục tiếp theo của dự án cần phải thực hiện theo hướng dẫn của UBND Thành phố Hà Nội, các Sở, Ban, Ngành liên quan.

❖ Công ty đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 (quý, bán niên, cả năm) với Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC và công bố thông tin theo quy định.

2. Khó khăn, thách thức:

1. Quá trình triển khai áp dụng CNTT, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh đối với doanh nghiệp có quá trình hoạt động lâu năm như Postef diễn ra còn chậm, công tác kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm được duy trì thường xuyên nhưng còn ở mức thấp, cần tập trung triển khai theo lộ trình chuyển đổi thành doanh nghiệp có phương thức sản xuất hiện đại, nâng cao năng suất lao động, tạo ra được giá trị gia tăng hơn nữa, mang lại hiệu quả cao hơn cho doanh nghiệp, tạo nguồn lực để phát triển bền vững, tiến tới chuyển đổi thành doanh nghiệp số.

2. Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, các đề tài khoa học công nghệ, các giải pháp và dịch vụ còn chậm, chưa có bước đột phá, tiên phong.

3. Công tác tuyển dụng nhân sự cho nhà máy tiếp tục gặp khó khăn về vị trí địa lý, tiêu chuẩn, trình độ lao động...

4. Trong công tác quản trị tài chính, hệ số nợ/vốn CSH còn cao so với quy định, một phần do không tăng được vốn điều lệ của công ty để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Nhà máy sản xuất sợi quang đã hoạt động được trên 3 năm, nhưng phương án phát hành tăng vốn phục vụ cho công tác đầu tư nhà máy không được phê duyệt. Vì vậy Công ty khó khăn nguồn vốn hoạt động; Nguồn vốn hoạt động chủ yếu vốn vay nên chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn trong mục chi phí SXKD.

6. Việc phát triển sản phẩm sợi quang ra thị trường ngoài nước cần phải được nghiên cứu kỹ lưỡng thị trường và có kế hoạch triển khai thực hiện bài bản. Trong đó khó khăn là giá thành sản xuất sản phẩm còn cao hơn đối thủ cạnh tranh, chi phí logistic, mất nhiều thời gian để xây dựng thương hiệu sản phẩm tại thị trường nước ngoài.

7. Việc chuyển đổi số doanh nghiệp có nhiều thách thức, năng lực công nghệ trong nước chưa cao, chưa làm chủ được những công nghệ cốt lõi của chuyển đổi số mà chủ yếu là đi sau và ứng dụng những công nghệ chuyển đổi số đã được phát triển sẵn trên thế giới. Mặt khác chi phí đầu tư cho chuyển đổi số lớn mới tiếp cận được nhà máy hiện đại, nhà máy thông minh và công nghệ mới nhất.

8. Về chất lượng lao động, nhân lực cần thiết có nguồn nhân lực chất lượng cao để làm chủ công nghệ mới phục vụ cho chuyển đổi số. Với một doanh nghiệp đã thành lập lâu năm như Postef, việc phải loại bỏ cái cũ để tiến thẳng lên cái mới sẽ gặp nhiều thách thức trong đó thách thức về chi phí bỏ ra trong điều kiện nguồn lực tài chính còn hạn hẹp cũng như các vấn đề xã hội trong doanh nghiệp.

3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty năm 2022:

Ban Tổng giám đốc Công ty đã thực hiện đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của HĐQT, hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, quy chế quản trị Công ty và các Quy chế HĐQT ban hành, phù hợp với Luật doanh nghiệp hiện hành.

Trong công tác điều hành, ban Tổng giám đốc chủ động, linh hoạt giải quyết được những vướng mắc những khó khăn và đưa ra giải pháp thích hợp để hạn chế các chi phí phát sinh, phù hợp theo từng giai đoạn. HĐQT và Ban Tổng giám đốc thường xuyên phối hợp, thống nhất trong phương pháp điều hành, đưa ra những giải pháp phù hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Ban Tổng giám đốc duy trì đều đặn các cuộc họp định kỳ, giao ban tháng, các cuộc họp chuyên đề như kế hoạch, kinh doanh, đầu tư, nghiên cứu phát triển, đề tài KHCN, sản phẩm mới ... nhằm giải quyết tháo gỡ những khó khăn vướng mắc phát sinh và kịp thời đề xuất, kiến nghị HĐQT để có những chỉ đạo định hướng phù hợp với tình hình thực tế.

Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm ổn định trong tình hình thực tế có nhiều biến động, khó khăn, thách thức, đã tạo được công ăn việc làm, duy trì ổn định thu nhập, các chế độ phúc lợi cho người lao động, bảo đảm chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; Bảo toàn và phát triển vốn; Nộp ngân sách nhà nước đủ và đúng hạn. Đó là tiền đề cho công ty phát triển trong năm tiếp theo.

III. Định hướng phát triển

1. Định hướng phát triển

Công ty luôn bám sát định hướng của Chính phủ, Bộ TT&TT về phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình, chuyển đổi số doanh nghiệp, chiến lược VNPT4.0 và chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn VNPT.

Năm 2023 được dự báo tình hình quốc tế, trong nước có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Đại dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, hậu quả kéo dài; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột Nga - Ucraina còn diễn biến khó lường. Lạm phát ở mức cao, xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất tiếp tục kéo dài, tăng trưởng kinh tế có xu hướng chậm lại, nguy cơ suy thoái gia tăng tại nhiều quốc gia, khu vực. Ở trong nước, sức ép lạm phát còn lớn; các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thông bị thu hẹp; tình hình sản xuất kinh doanh, lao động và việc làm trong nhiều ngành, lĩnh vực tiếp tục gặp khó khăn; những yếu tố đột xuất, bất ngờ tác động, ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực, tiềm ẩn rủi ro, khó dự báo.

Trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2022, với định hướng, chỉ đạo, hướng dẫn của Tập đoàn VNPT đối với năm 2023, Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện xây dựng phương hướng nhiệm vụ năm 2023 và định hướng cho các năm tiếp theo, như sau:

I/ Mục tiêu phát triển: Mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2023 là cố gắng phấn đấu đạt được các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua. Để thực hiện mục tiêu này Ban Lãnh đạo công ty đã đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2023 ngay từ đầu năm, trong đó tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

II/ Quan điểm phát triển: Phát triển bền vững, công nghệ hiện đại, chuyên môn hóa hiện đại hóa công nghệ sản xuất; Chú trọng phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh chính, sản phẩm trọng điểm; Tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hơn nữa giá trị gia tăng của sản phẩm; Nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường trong khu vực và trên thế giới; Phát triển thêm một số ngành nghề phân phối sản phẩm dịch vụ, dịch vụ giá trị gia tăng khác;

III/ Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

1. Về quản trị doanh nghiệp:

- Tiếp tục hoàn thiện giai đoạn đầu về số hóa hệ thống quản trị, điều hành doanh nghiệp.
- Cập nhật, điều chỉnh mô hình hoạt động phù hợp với tình hình thực tế và mục tiêu chiến lược phát triển của công ty, chủ trương, định hướng của Tập Đoàn về chuyển đổi số.
- Tiếp tục chuẩn bị các điều kiện phù hợp tình hình thực tế về nguồn lực con người, cơ sở hạ tầng,... để triển khai giai đoạn tiếp theo về xây dựng nhà máy thông minh, phù hợp với định hướng phát triển của Tập đoàn VNPT.
- Triển khai các kế hoạch, chương trình hành động trên cơ sở chiến lược phát triển của công ty giai đoạn 2020 - 2025 gắn với các mục tiêu kế hoạch đề ra năm 2023; triển khai gắn liền tới các nhà máy, chi nhánh, công ty con, các đơn vị, phòng ban chức năng công ty theo tiến độ và lộ trình đặt ra.
- Tuỳ theo tình hình và điều kiện thực tế, tiếp tục rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung để thực hiện việc tái cấu trúc công ty, đáp ứng được chiến lược, mục tiêu phát triển bền vững trong giai đoạn đến năm 2030.

2. Về Đầu tư & Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới:

- Tập trung nghiên cứu, đầu tư bổ sung máy móc thiết bị để sản xuất một số loại sản phẩm sợi quang công nghệ cao.
- Nghiên cứu phát triển nhóm sản phẩm về sử dụng năng lượng tái tạo gắn với sản phẩm của công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm và dịch vụ tích hợp (IDC và IOT)
- Các đề tài khoa học công nghệ, sản phẩm mới phù hợp thị trường, xu thế phát triển

3. Về công tác kinh doanh phát triển thị trường:

- Bên cạnh việc tham gia vào chuỗi giá trị chung của Tập đoàn, việc hoạch định, phân khúc thị trường khách hàng ngoài Tập đoàn cũng rất quan trọng và cố gắng duy trì, nâng cao tỷ trọng đóng góp của phân khúc này trong tổng thể hoạt động của công ty trong năm 2023.
- Tìm kiếm thị trường xuất khẩu sợi thủy tinh dùng cho thông tin quang tại các nước Đông Nam Á và Châu Á
- Tìm kiếm, hợp tác với các đối tác tại Việt Nam và trong khu vực để nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới đáp ứng được nhu cầu khách hàng, sẽ mang lại giá trị cao trong hoạch định phát triển sản phẩm.

4. Về công tác tài chính:

- Khả năng cấp tín dụng và nguồn vốn cho các đơn vị được đáp ứng trong khi vốn chủ sở hữu còn thấp không đáp ứng nhu cầu của vòng quay vốn.
- Không tăng được vốn điều lệ nên cũng ảnh hưởng đến các chỉ tiêu tài chính của công ty, do vậy cần có các giải pháp cụ thể khác để đạt được các chỉ tiêu tài chính trong ngưỡng an toàn, nâng cao tính thanh khoản trong các mặt hoạt động của công ty.
- Thúc đẩy áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị công nợ, rút ngắn chu kỳ vòng quay vốn SXKD, quản trị rủi ro, với mục tiêu đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả SXKD.
- Tiếp tục cập nhật, tham gia các lớp tập huấn công tác tài chính kế toán nâng cao nghiệp vụ cho bộ phận Tài chính kế toán của Công ty, các chi nhánh, nhà máy, công ty con.

5. Về công tác tổ chức, nhân sự:

- Về công tác tuyển dụng: năm 2023, trên cơ sở nhu cầu thực tế Công ty xây dựng phương án sử dụng lao động hiện có, tuyển dụng nhân sự mới đáp ứng các nhu cầu và đòi hỏi về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với Chiến lược phát triển chung, chuyển đổi số doanh nghiệp.
- Về công tác đào tạo: Trong năm 2023 Công ty tiếp tục tổ chức các khóa, lớp đào tạo, tự đào tạo nội bộ cho bộ phận kinh doanh, kỹ thuật, giới thiệu, phổ biến kiến thức về sản phẩm mới, thông qua việc tự tổ chức hoặc thuê các chuyên gia về các lĩnh vực liên quan nhằm nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên Công ty.
- Xây dựng, bổ sung, phát triển nguồn nhân lực R&D của Công ty nhằm củng cố, hỗ trợ các đơn vị trong việc giám sát chất lượng, tư vấn các giải pháp kỹ thuật, tham gia các mảng kinh doanh về công nghệ thông tin, tự động hoá, hướng tới mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp.

6. Về Công tác giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm:

- Giám sát, kiểm tra chất lượng và chuẩn hóa tiêu chuẩn nguyên vật liệu đầu vào để đảm bảo chất lượng đầu ra của sản phẩm đúng theo các chỉ tiêu và kỹ thuật yêu cầu.

- Định kỳ đưa ra các giải pháp, phong trào thi đua, các buổi hội thảo, thuyết trình nhằm kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm sản xuất ra tại các công đoạn, các khâu của quá trình sản xuất sao cho tỷ lệ sản phẩm lỗi, hỏng ở mức thấp nhất qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Thường xuyên thực hiện đo kiểm, đánh giá, kiểm tra chất lượng sản phẩm một cách độc lập, đảm bảo tính khách quan đối với chất lượng các sản phẩm đầu ra của Công ty.
- Đưa ra các giải pháp, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả SXKD tại các dây chuyền của các nhà máy, đơn vị trong Công ty.

NỘI DUNG 2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Phần I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

1. Các hoạt động của Ban kiểm soát

Trên cơ sở quyền hạn và nhiệm vụ được quy định và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua, hoạt động của ban kiểm soát đã đạt được kết quả sau:

1.1 Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2022 (BKS) đã tổ chức 03 phiên họp với sự tham gia đầy đủ của tất cả các thành viên để thực hiện công việc liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, rà soát hệ thống văn bản quản lý nội bộ và thẩm định BCTC của Công ty. Trong các cuộc họp các kiểm soát viên làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, việc tổ chức các cuộc họp và ban hành văn bản của Ban kiểm soát đã thực hiện theo đúng quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của BKS.

1.2 Công tác giám sát của Ban kiểm soát

Thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, các kiểm soát viên tích cực thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành chung của toàn Công ty cụ thể:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty, thực hiện các công việc khác theo quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, điều lệ Công ty và các quy định hiện hành.
- Đại diện BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, Tại cuộc họp đại diện BKS tham gia ý kiến đối với HĐQT và Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Phối hợp với Công ty kiểm toán độc lập trong công tác soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2022 của toàn Công ty.
- Theo dõi giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng: Công bố BCTC quý, 6 tháng và cả năm 2022; biên bản, nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022, các thông tin liên quan đến công tác thay đổi nhân sự chủ chốt ... theo quy định của pháp luật.

- Thông qua người đại diện vốn của 3 công ty con PDE và POSTEF Ba Đình và POSTEF Đà Nẵng có 100% vốn POSTEF để đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh và BCTC cả năm 2022.
- Hàng tháng Ban kiểm soát cử đại diện tham dự cuộc họp giao ban và các cuộc họp đột xuất khác, tham gia cho ý kiến tại các cuộc họp về đánh giá kết quả thực hiện của các bộ phận trong toàn Công ty.
- BKS thăm tra báo cáo tài chính của Công ty, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, kiểm tra giám sát việc tuân thủ, gặp gỡ và trao đổi trực tiếp với các bộ phận liên quan.
- Kiến nghị HĐQT, ban điều hành trong việc xây dựng sửa đổi quy chế Công ty để làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý điều hành trên các mặt hoạt động của Công ty.
- Kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông: Từ sau kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đến nay Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông về việc kiểm tra hoạt động quản lý điều hành của Công ty.

1.3 Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm Soát

- Năm 2022 các kiểm soát viên chưa nhận thù lao theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ theo quy định của Công ty

2. Đánh giá kết quả hoạt động của BKS

Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ được quy định tại điều lệ Công ty và luật doanh nghiệp với kết quả hoạt động đã nêu trên BKS tự đánh giá như sau:

- Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình trong việc giám sát HĐQT, ban điều hành trong việc quản trị và điều hành Công ty.
- Thẩm định BCTC hàng quý, 6 tháng và cả năm 2022 của Công ty được kiểm toán bởi hãng kiểm toán AASC.
- Đề xuất và kiến nghị với ban điều hành để Công ty hoạt động phát triển bền vững.
- Các thành viên BKS chủ động nỗ lực giải quyết công việc đề xuất xử lý các vấn đề trong phạm vi công việc được phân công tuân thủ các quy định của luật doanh nghiệp và hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao phó.

Phần II. Kết quả kiểm tra, kiểm soát năm 2022

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Ban kiểm soát được mời và tham dự đầy đủ các phiên họp trực tiếp của HĐQT Công ty, được nhận đầy đủ các tài liệu họp các quyết định và nghị quyết sau khi được HĐQT thông qua.
- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định của điều lệ Công ty. HĐQT ban hành các nghị quyết, quyết định đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định về thẩm quyền, số lượng thành viên dự họp; các cuộc họp đều được lập biên bản.
- Hội đồng quản trị đã triển khai các cuộc họp thống nhất về chiến lược định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT.
- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, quyết nghị và giám sát ban điều hành trong việc triển khai và thực hiện các nội dung của nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022
- Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty, bảo đảm lợi ích Công ty và của Cổ đông

2. Hoạt động của ban điều hành năm 2022 theo nghị quyết ĐHĐCĐ

2.1 Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2022

- Tổng Doanh thu (DT bán hàng CCDV, Doanh thu HĐTC, Thu nhập khác): 1.488,8 tỷ đạt 121% kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế: 15,292 tỷ đạt 78.2 %,
- Lãi Cơ bản trên cổ phiếu đạt: 7.86%
- Tỷ suất LNST/VCSH: 4.62 %, kế hoạch ĐHĐCĐ năm 2022 giao 8.38 % đạt tỷ lệ 55 %
- Quỹ tiền lương thực hiện: 46.16 tỷ kế hoạch trình ĐHĐCĐ năm 2022 là 73.2 tỷ đạt 63%
- Lao động bình quân: 376 người kế hoạch trình ĐHĐCĐ năm 2022 là 500 người đạt 75.2 %
- Thu nhập bình quân: 11.5 triệu đồng/ người/ tháng (đã bao gồm các khoản chi cho người lao động từ quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty) kế hoạch trình ĐHĐCĐ năm 2022 là 12.2 triệu đạt 94.8 %

2.2 Về phân phối lợi nhuận sau thuế và trả Cổ tức:

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

2.3 Về lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC của Công ty

Công ty đã thực hiện lựa chọn Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022

2.4 Về thù lao HĐQT

Trong năm 2022 chưa chi thù lao HĐQT theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022

2.5 Về hoạt động đầu tư năm 2022

Năm 2022 Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch đầu tư 17.08 tỷ đồng, trong năm 2022 tổng đầu tư thực hiện là 7.14 tỷ trong đó đầu tư nâng cao năng suất máy móc thiết bị và sửa chữa thường xuyên 2.22 tỷ đầu tư phương tiện vận tải 4.92 tỷ

2.6 Dự án công trình đa chức năng POSTEF tại 61 Trần Phú Ba Đình Hà Nội

- Căn cứ giấy phép xây dựng số 83/ GPXD cấp ngày 8/12/2020 của Sở xây dựng Hà Nội về việc xây dựng “Phần ngầm” của dự án “Công trình đa chức năng POSTEF “thời hạn của giấy phép 12 tháng kể từ ngày cấp.
- Ngày 19/11/2021 Công ty đã tiến hành gửi thông báo với chính quyền địa phương Ủy ban nhân dân Phường Điện Biên về thời gian khởi công xây dựng là ngày 07/12/2021.
- Trong năm Ban quản lý dự án 61 Trần phú đã tiến hành triển khai một số các thủ tục về việc triển khai khởi công phần ngầm của dự án
- Thông báo số 48/TB-POSTEF-TCHC ngày 28/02/2022 (về việc chuyển nơi làm việc của khối văn phòng Công ty), ngày 07/03/2022 toàn bộ cán bộ Công nhân viên khối văn phòng Công ty làm việc tại khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh để Công ty tiến hành công tác di dời và giải phóng mặt bằng và tiến hành sửa chữa dây nhà mặt đường Hùng Vương làm văn phòng của Công ty.

2.7 Các hoạt động khác của ban điều hành

- Trong năm ban điều hành đã tiến hành tái cơ cấu các nhà máy khu vực VSIP để các bộ phận trong nhà máy hợp lực và phát huy tốt hơn về nhân lực và các nguồn lực khác trong quá trình sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

- Căn cứ quyết định 51264/QĐ-CTHN-TTKT3 ngày 24/10/2022 về việc thanh tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế và quyết định số 51265/QĐ-CTHN-TTKT3 ngày 24/10/2022 về việc giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra thuế, Công ty đã tiếp và làm việc với đoàn thanh tra thuế giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2021 của Công ty, trong năm 2022 đoàn thanh tra chưa kết luận về kết quả thanh tra thuế. Ngày 10/02/2023 Cục thuế thành phố Hà nội đã ban hành kết luận số 4773/KL-CTHN-TTKT3 về việc thanh tra thuế giai đoạn 2018-2021 của Công ty

3. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022:

3.1 Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 của Công ty được lập theo chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành; được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC - đơn vị đã được UBCK nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.

3.2 Thẩm định báo cáo tài chính:

Các số liệu về vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2022 và kết quả kinh doanh của Công ty thực hiện trong năm 2022 như sau:

a. Một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	năm 2022	năm 2021	Tăng (+) giảm(-)
A. Tài sản ngắn hạn		1,223,022	1,035,326	187,696
1. tiền và các khoản tương đương tiền		201,155	129,086	72,069
2.các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		1073	50,072	(48,999)
3. Các khoản phải thu ngắn hạn		675,030	578,174	96,856
4.Hàng tồn kho		329,118	259,123	69,995
5. tài sản ngắn hạn khác		16,647	18,868	(2,221)
B. Tài sản dài hạn		1,252,275	1,277,939	(25,664)
1. các khoản phải thu dài hạn		25,087	25,061	26
2. Tài sản cố định		336,595	365,617	(29,022)
3. Bất động sản đầu tư		2,165		2,165
3.Tài sản dở dang dài hạn		816,657	811,466	5,191
4.Đầu tư tài chính dài hạn		13,578	13,578	0
5.Tài sản dài hạn khác		58,192	62,215	(4,023)
Tổng cộng tài sản		2,475,297	2,313,265	162,032
A. Nợ phải trả		2,144,955	1,985,097	159,858
1.Nợ ngắn hạn		1,170,454	980,939	189,515
2.Nợ dài hạn		974,501	1,004,157	(29,656)
B. vốn chủ sở hữu		330,342	328,168	2,174
Chỉ tiêu khả năng thanh toán				

Hệ số khả năng thanh toán tổng quát = Tổng tài sản / Tổng nợ phải trả	lần	1.15	1.17	-0.01
Hệ số khả năng thanh toán hiện hành = Tổng tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	lần	1.04	1.055	-0.011
Hệ số khả năng thanh toán nhanh = (Tổng tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Tổng nợ ngắn hạn	lần	0.73	0.75	-0.02
Hệ số khả năng thanh toán lãi vay = Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)/Lãi vay phải trả	lần	1.54	1.56	-0.02
Vòng quay hàng tồn kho = giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho trung bình	lần	4.48	4.40	0.08

- Tổng tài sản của Công ty cuối năm tăng 162 tỷ chủ yếu là tăng khoản phải thu ngắn hạn tăng 96 tỷ, hàng tồn kho tăng 69 tỷ
- Nợ phải trả tăng 159 tỷ chủ yếu do tăng nợ vay ngắn hạn
- Vốn chủ sở hữu tăng 2.1 tỷ so với đầu năm là do tăng lợi nhuận trong kỳ của Công ty

Một số chỉ tiêu khả năng thanh toán của toàn Công ty

- **Hệ số khả năng thanh toán tổng quát:** năm 2022 chỉ số của Công ty là 1.15 đảm bảo khả năng thanh toán, giảm 0.01 so với năm 2021.
- **Hệ số khả năng thanh toán hiện hành:** Hệ số này của Công ty năm 2022 là **1.04** năm 2021 là **1.05** giảm **0.1** so với năm 2021
- **Hệ số khả năng thanh toán nhanh:** Hệ số khả năng thanh toán nhanh năm 2022 là **0.73** năm 2021 là **0.75** giảm so với năm 2021 là **0.02** cho thấy Công ty cần có giải pháp quản trị tốt các luồng tiền để tránh rủi ro việc mất tính thanh khoản của Công ty
- **Hệ số khả năng thanh toán lãi vay:** năm 2022 là **1.54** và năm 2022 là **1.56** năm 2022 hệ số này giảm so 2021 là **0.02** do vậy cho thấy Công ty đang chịu áp lực về vay vốn và chi phí lãi vay
- **Vòng quay hàng tồn kho:** Trong năm 2022 hệ số Vòng quay hàng tồn kho là 4.48 năm 2022 hệ số này 4.40 tăng so với năm 2021 là **0.08**

b. Một số chỉ tiêu trên bảng kết quả kinh doanh hợp nhất

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	ĐVT: triệu đồng		
			THỰC HIỆN 2022	THỰC HIỆN 2021	Tăng (+) giảm (-) năm 2022 so với 2021
1	Doanh thu thuần (BCTCHN) đã loại trừ các khoản giảm trừ, chưa bao gồm doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác		1,481,192	1,124,991	356,201
2	Lợi nhuận gộp		163,492	143,401	20,091

3	Lợi nhuận trước thuế		22,464	18,424	4,040
4	Lợi nhuận sau thuế		15,271	13,255	2,016
5	Giá vốn hàng bán		1,317,700	981,590	336,110
6	Chi phí bán hàng		24,691	33,159	(8,468)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp		72,519	62,437	10,082
8	Chi phí tài chính		48,719	33,178	15,541
	Trong đó chi phí lãi vay		41,704	32,899	8,805
	Tỷ suất				
1	Tỷ suất chi phí lãi vay/ doanh thu	%	2.82%	2.92%	
1	Tỷ suất Lợi nhuận gộp / Doanh thu	%	11.0%	12.7%	-1.7%
2	Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	%	1.52%	1.64%	-0.1%
3	Tỷ suất giá vốn hàng bán /doanh thu	%	88.96%	87.25%	1.7%
4	Tỷ suất Chi phí bán hàng /doanh thu	%	1.7%	2.9%	-1.3%
5	Tỷ suất Chi phí quản lý /doanh thu	%	4.90%	5.55%	-0.7%
6	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / VCSH	%	4.62%	4.04%	0.6%

- Tỷ suất lợi nhuận gộp/ doanh thu của năm 2022 so với 2021 giảm 1.7%
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu, năm 2022 so với 2021 giảm 0.1%
- Tỷ suất giá vốn hàng bán / Doanh thu, năm 2022 so với 2021 tăng 1.7%
- Tỷ suất chi phí bán hàng / doanh thu, năm 2022 so 2021 giảm 1.3% chủ yếu do trong năm 2022 các khoản trích lập bảo hành tới hạn hoàn nhập dự phòng (12.4 tỷ) năm 2021 là 1.2 tỷ
- Tỷ suất chi phí quản lý / doanh thu, năm 2022 so 2021 giảm 0.7 %
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / VCSH năm 2022 so với năm 2021 tăng 0.6%

Thông qua các chỉ số phân tích trên Công ty cần quản trị tốt các khoản chi phí như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp(chi phí tiếp khách, chi phí lễ tân khánh tiết) và chi phí lãi vay để tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

c. Một số chỉ tiêu trên bảng kết quả kinh doanh công ty mẹ

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022 CTY mẹ	Năm 2021 CTY mẹ	ĐVT: triệu đồng
					Tăng (+) giảm (-) năm 2022 so với 2021
1	Doanh thu thuần đã loại trừ các khoản giảm trừ doanh thu		1,537,798	1,151,729	386,069
2	Lợi nhuận gộp		141,198	128,652	12,546
3	Lợi nhuận trước thuế		20,029	16,570	3,459
4	Lợi nhuận sau thuế		13,402	11,599	1,803
5	Giá vốn hàng bán		1,396,055	1,021,332	374,723
6	Chi phí bán hàng		17,695	29,591	(11,896)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp		60,381	54,601	5,780

8	Chi phí tài chính		48,687	32,257	16,430
	Trong đó chi phí lãi vay		41,690	32,609	9,081
	Tỷ suất				
	Tỷ suất chi phí lãi vay/ doanh thu	%	2.71%	2.83%	-0.12%
1	Tỷ suất Lợi nhuận gộp / Doanh thu	%	9%	11%	-2.0%
2	Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	%	1.30%	1.44%	-0.1%
3	Tỷ suất giá vốn hàng bán /Doanh thu	%	90.8%	88.7%	2.1%
4	Tỷ suất Chi phí bán hàng /doanh thu	%	1.15%	2.57%	-1.4%
5	Tỷ suất Chi phí quản lý /doanh thu	%	3.9%	4.7%	-0.8%

d. Báo cáo đánh giá Công ty con và công ty liên kết có vốn góp

Công ty có các Công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 là Công ty PDE, Công ty POSTEF Ba Đình và Công ty POSTEF Đà Nẵng được quản lý thông qua người đại diện vốn của POSTEF

- Công ty PDE : Vốn điều lệ 32 tỷ, 100% vốn POSTEF
- Công ty POSTEF Ba Đình : Vốn điều lệ 5 tỷ lệ ,100% vốn POSTEF
- Công ty POSTEF Đà Nẵng : Vốn điều lệ 30 tỷ, 100% vốn POSTEF

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY CON: PDE, POSTEF BA ĐÌNH, POSTEF ĐÀ NẴNG NĂM 2022

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	ĐVT: triệu đồng		
			Năm 2022 PDE	Năm 2022 POSTEF Ba Đình	Năm 2022 POSTEF Đà Nẵng
1	Doanh thu thuần đã loại trừ các khoản giảm trừ doanh thu		272,581	49,933	115,292
2	Lợi nhuận gộp		7,221	6,535	8,069
3	Lợi nhuận trước thuế		1,678	1,005	1,257
4	Lợi nhuận sau thuế		1,611	791	972
5	Giá vốn hàng bán		265,360	43,397	107,222
6	Chi phí bán hàng		141.7	2,719	4,134
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp		6,426	2,866	2,844
8	Chi phí tài chính		14	16	0
	Trong đó chi phí lãi vay		14	-	
	Tỷ suất				
1	Tỷ suất Lợi nhuận gộp / Doanh thu	%	3%	13%	7%
2	Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế / Doanh	%	0.62%	2.01%	1.09%

	thu				
3	Tỷ suất giá vốn hàng bán /Doanh thu	%	97.4%	86.9%	93%
4	Tỷ suất Chi phí bán hàng /doanh thu	%	0.05%	5.45%	3.59%
5	Tỷ suất Chi phí quản lý /doanh thu	%	2.4%	5.7%	2.5%
6	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / VCSH		4.7%	13.7%	3.1%

Các Công ty con cần tiết giảm các khoản chi phí để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty. Với số vốn góp 67 tỷ, lợi nhuận sau thuế các công ty con mang lại theo tỷ lệ tương ứng đạt 5.30% chưa đạt mặt bằng chung của Công ty năm 2022 là 7.86% và yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông

e. Công ty TNHH liên doanh Lào Việt:

Cuối năm 2022 Công ty có vốn góp 13.2 tỷ tương ứng 30% vốn góp của POSTEF

Phần III. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD điều hành và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.

- Hội đồng quản trị Công ty tổ chức họp thường kỳ các cuộc họp có sự tham gia đầy đủ của đại diện BKS, Ban TGD. Các nghị quyết quyết nghị của HĐQT được thực hiện triển khai một cách nghiêm túc kịp thời
- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định, nghị quyết của HĐQT, Ban điều hành nhận được sự tạo điều kiện thuận lợi của các phòng ban công ty, các chi nhánh nhà máy về việc cung cấp tài liệu phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ của BKS
- Các thông tin về tình hình hoạt động SXKD tình hình tài chính tình hình quản trị Công ty được công bố theo đúng quy định và được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử Công ty

Phần IV: Đề xuất và kiến nghị của BKS

1. Về quản trị tài chính

1.1 Tăng cường quản trị hàng tồn kho và công nợ phải thu của Công ty để giảm chi phí vốn và đảm bảo tính thanh khoản của Công ty

1.2 Công ty cần có biện pháp cụ thể giảm chi phí giá vốn hàng, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (các chi phí tiếp khách, chi phí lễ tân khánh tiết...) tăng hiệu quả kinh doanh của Công ty

1.3 Vốn vay của Công ty đang ở mức tăng cao (số dư nợ vay đầu năm 640,8 tỷ số cuối năm 2022 là 786,4 tỷ đã tăng 145,6 tỷ) vì vậy đề nghị HĐQT, ban điều hành có phương án, giải pháp đảm bảo khả năng an toàn về vốn và tính thanh khoản trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

1.4 Ban điều hành cần xem xét chính sách phân bổ các chi phí quản lý và chi phí lãi vay cho phù hợp trong giai đoạn hiện nay để đảm bảo khích lệ việc sử dụng vốn đúng và đủ cho các nhà máy chi nhánh và các Công ty con.

2. Về quản trị nguồn nhân lực và chế độ tiền lương:

2.1 Công ty có chính sách và môi trường, giảm thiểu thất thoát nguồn nhân lực đã có thời gian làm việc, đào tạo thực tế tại Công ty.

2.2 Xem xét chế độ, chính sách trả lương để thu hút nguồn lực lao động mới: người lao động có tay nghề, trình độ kỹ thuật và quản lý để bổ sung và đáp ứng cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

3. Quản trị chung

3.1 Đề nghị HĐQT, ban điều hành kiểm tra và rà soát lại điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của Công ty cho phù hợp với luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được quốc hội thông qua 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn

3.2 Căn cứ nghị định 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ ban hành 22/01/2019 đề nghị HĐQT và ban điều hành xem xét triển khai để tuân thủ theo quy định của pháp luật

3.3 Với các Công ty con có vốn góp 100% của POSTEF đề nghị đại diện vốn có cơ chế và chính sách cụ thể để nâng cao hiệu quả kinh doanh trong kỳ đảm bảo lợi ích cho cổ đông Công

3.4. Công ty TNHH liên doanh Lào Việt đại diện vốn có phương án và giải pháp để đảm bảo an toàn vốn góp của các bên tham gia

Phần V: Kế hoạch hoạt động 2023 của Ban kiểm soát

Với chức năng và quyền hạn đã được quy định Ban kiểm soát thay mặt cổ đông thực hiện kiểm tra giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty.

Trong năm 2023 Ban Kiểm soát sẽ thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên và định kỳ vào các mặt công tác sau:

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nội dung khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua
- Kiểm tra việc ban hành và thực thi các nghị quyết, quyết nghị của HĐQT và ban TGD trong công tác quản lý điều hành Công ty
- Rà soát, kiến nghị với HĐQT, ban TGD Công ty sửa đổi bổ sung các quy chế quy định nội bộ đã ban hành hoàn chỉnh theo các quy định mới của pháp luật, điều lệ Công ty và tình hình hoạt động thực tiễn
- Thực hiện công tác thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT Công ty trình ĐHĐCĐ thường niên
- Thông qua người đại diện vốn của Công ty tại các Công ty con và công ty liên kết giám sát việc sử dụng vốn góp của Công ty
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan quản lý điều hành hoạt động của ban điều hành nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty
- Trên cơ sở kết quả kiểm tra kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban điều hành để nâng cao hiệu quả công tác quản trị điều hành của toàn Công ty
- Thực hiện các công việc khác theo nhiệm vụ của Ban tuân thủ luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

NỘI DUNG 3 : BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022; BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2022; KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023; KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI NĂM 2023

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022 (ĐHĐCĐ đã thông qua)	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ TH 2022/K H 2022 (%)	So sánh năm 2021	
						Thực hiện 2021	TH2022/ TH2021 (%)
1	Tổng doanh thu hợp nhất gồm - BH và CCDV - DT hoạt động TC - TN khác Trong đó:	Đồng	1.229.500.000.000	1.481.192.077.495	120,47%	1.124.991.619.475	131,66%
1.1	Doanh thu ngoài VNPT	Đồng	734.500.000.000	734.500.000.000	100%	645.672.000.000	113,75%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Đồng	19.300.000.000	15.270.804.492	79,12%	13.255.261.535	115,21%
3	Tỷ suất LNST/VCSH (Vốn CSH theo BCTC)	%	8,38%	4,60%	54,89%	4,04	113,86%
4	Cổ tức	%	7,6%	6,15%	80,92%	5%	123%
5	Thu nhập bình quân Người/tháng	Đồng	12.200.000	11.575.056	94,87%	11.981.942	96,60%
6	Quỹ tiền lương	đồng	73.200.000.000	52.226.654.215	71,35%	52.337.123.098	99,79%
7	Lao động bình quân	Người	500	376	75,20%	364	103,29%

2. Thời gian thanh toán cổ tức năm 2022: Thực hiện đúng theo quy định trả cổ tức tại điều 135 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 “**Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên**”. Giao HĐQT công ty triển khai thanh toán cổ tức vào thời gian thích hợp, đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.

3. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán.

4. Kế hoạch SXKD năm 2023; Kế hoạch đầu tư 2023, kế hoạch nghiên cứu phát triển sản phẩm mới năm 2023:

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua nội dung “Ủy quyền cho HĐQT Công ty cổ phần Thiết Bị Bưu Điện thẩm định các dự án đầu tư mua sắm, sửa chữa, thực hiện các đề tài nghiên cứu để chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết Bị Bưu Điện triển khai thực hiện, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và hiệu quả đầu tư vốn nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông giao”, bao gồm:

4.1 . Kế hoạch SXKD năm 2023:

T T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ KH 2023/TH 2022 (%)
1	Tổng doanh thu (Hợp nhất BCTC)	Đồng	1.599.000.000.000	108%
2	Doanh thu ngoài VNPT (hoạt động sản xuất kinh doanh chính)	Đồng	923.000.000.000	125%
3	Lợi nhuận sau thuế (Hợp nhất BCTC)	Đồng	16.500.000.000	108%
4	Tỷ suất LNST/VCSH (Vốn CSH theo BCTC)	%	7,16%	155%
5	Cổ tức	%	6,5%	106%
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Đồng	12.200.000	105%
7	Quỹ tiền lương	đồng	73.200.000.000	140%
8	Lao động bình quân	Người	500	133%

4.2 . Kế hoạch đầu tư năm 2023:

STT	Tên dự án Công trình	Đơn vị	Tổng giá trị đầu tư	Nội dung	Ghi chú
	Tổng kế hoạch đầu tư 2023		24.413.194.662,00		
A1	Kế hoạch đầu tư tiếp tục thực hiện hoặc chuyển tiếp từ những năm trước sang năm 2023:		6.371.291.736		
1	Sửa chữa dây chuyền sx máy bọc cáp 120 (2006)	NM4	300.000.000	Dây chuyền được trang bị từ năm 2006	Chuyển tiếp từ 2022 sang và dự kiến triển khai vào Quý III - 2023.
2	Đầu tư mua sắm dây chuyền thiết bị sản xuất và đo kiểm Accu/Battery Lithium, gồm: + 02 máy hàn; + 02 máy nạp xả; + Thiết bị đo.	PDE	3.983.780.000	Đang trong quá trình kiểm tra các máy móc thiết bị đã có và lựa chọn thiết bị mới cần đầu tư để hoàn chỉnh dây chuyền	Tổng dự án 4,6 tỷ đồng. Đã mua 1 máy hàn năm 2021 (616 triệu). Giá trị còn lại chuyển tiếp từ năm 2022 sang triển khai năm 2023.
3	Lắp đặt PCCC xưởng đồng	POT ĐN	150.000.000	PCCC Đà Nẵng yêu cầu	Dự kiến triển khai quý II/ 2023
4	Kiểm duyệt hệ thống PCCC nhà văn phòng nhà xưởng, lập phương án PCCC, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động kho (xưởng nhựa)	POT ĐN	150.000.000	PCCC Đà Nẵng yêu cầu	Dự kiến triển khai quý II/ 2023
5	Đầu tư Khu Nội Duệ: "Kho hàng hóa, vật tư và các công trình phụ trợ - giai đoạn 1" (đã gồm thuế	Cty	1.787.511.736	Chuyển khu đất từ Lim sang Nội Duệ	Tổng dự án "Kho hàng hóa, vật tư và các công trình phụ trợ giai đoạn 1" là

	GTGT)				3.183.748.000 đồng. Đã triển khai các hạng mục: Tường rào, Nhà kho số 1, Cấp thoát nước... (bao gồm wc).
A2	Kế hoạch đầu tư của năm 2023:		18.041.902.926		
	Nhà máy 123		11.060.000.000		
I	Đầu tư mới				
1	Máy uốn >3.5 mét	NM123	800.000.000		Dự kiến triển khai T8.2023
2	Máy nén khí	NM123	800.000.000	Nhà xưởng cơ khí	Dự kiến triển khai T3.2023
3	Máy tạo khí nitrogen	NM123	240.000.000	(Bổ xung máy laser)	Dự kiến triển khai T6.2023
II	Sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị hiện có				
1	Hệ thống sơn tĩnh điện	NM123	800.000.000	Dây chuyền có năm 2011	Dự kiến triển khai T2.2023
2	Bảo dưỡng toàn bộ dây chuyền SX sợi (4line) SIKORA Fiber SIKORA Lump Nguồn UV-F600S Hộp biến áp+Đui đèn UV Lá Irist Máy tính All In One SIKORA PLC S7-1500-1513 Bộ Laura Eco Bộ khuôn sợi 200 uF	NM123	6.000.000.000 480.000.000	Dây chuyền có năm 2018	Dự kiến triển khai T6.2023
3	Dây chuyền 120-Cấp quang	NM123	170.000.000	Dây chuyền có năm 2008	Dự kiến triển khai T3.2023
4	Chi phí sửa chữa	NM123	1.700.000.000		
5	Máy đo đường kính cấp (2 chiều)		70.000.000		
	Nhà Máy 4		700.000.000		
1	Sửa chữa nâng cấp cơ sở hạ tầng nhà xưởng II	NM4	700.000.000	Nhà xưởng II xây dựng năm 2003	Dự kiến triển khai quý IV - 2023.
	POT ĐÀ NẴNG		455.000.000		
1	Lập phương án PCC, kiểm duyet hệ thống PCCC của hệ năng lượng mặt trời	POT ĐN	300.000.000	PCCC Đà Nẵng yêu cầu	Dự kiến triển khai quý I/ 2023
2	Sửa chữa hàng rào nhà máy bị xuống cấp	POT ĐN	100.000.000	Tường rào đường số 7, phần rào sắt	Dự kiến triển khai quý II/ 2023
3	Sửa chữa thay thế máng xối giữa xưởng 1 và xưởng 2	POT ĐN	40.000.000		Dự kiến triển khai quý II/ 2023
4	Chống dột ốp nóc nhà	POT ĐN		Xưởng 1	Dự kiến triển khai

	xưởng		15.000.000		quý II/ 2023
	Văn phòng Công ty		3.826.902.926		
1	Nghiên cứu sản xuất cáp Micro	RD	1.976.208.000	Nghiên cứu thay đổi công nghệ và sản xuất thử nghiệm cáp micro trên hệ thống dây chuyền hiện có của POSTEF tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, Từ Sơn, Bắc Ninh.	Ghi chú: thông tin từ dự án dự kiến triển khai năm 2023.
2	Thi công, sửa chữa thay mới tôn nhà kho số 1	P.TCHC	625.554.270	Theo nhu cầu thực tế sử dụng	Dự kiến triển khai quý II/ 2023
3	Chống thấm văn phòng làm việc của NM123	P.TCHC	358.517.500	Theo nhu cầu thực tế sử dụng	Dự kiến triển khai quý II/ 2023
4	Thi công bảo trì, sơn bả lại mặt ngoài các nhà xưởng tại Tổ hợp công nghiệp POSTEF	P.TCHC	529.082.156	Theo nhu cầu thực tế sử dụng	Dự kiến triển khai quý II/ 2023
5	Thi công bảo dưỡng lại hệ thống PCCC, hệ thống xử lý nước thải tại Tổ hợp công nghiệp POSTEF	P.TCHC	145.541.000	Theo yêu cầu của các cơ quan quản lý.	Dự kiến triển khai quý II/ 2023
6	Đăng kiểm máy, thiết bị đo môi trường, đo điện trở nối đất, nối không thiết bị năm 2023	P.TCHC	192.000.000	Đo môi trường LD định kỳ; đăng kiểm thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn (TB nâng, TB áp lực); Đo điện trở nối đất, nối không thiết bị	Dự kiến triển khai quý II/ 2023
	Tổ hợp VSIP Bắc Ninh		2.000.000.000		
1	Tu bổ, sửa chữa lớn định kỳ các nhà xưởng, máy móc thiết bị tại khu vực VSIP.	VSIP	2.000.000.000	Dự phòng.	Chi triển khai theo tình hình thực tế yêu cầu hoặc bất khả kháng.

4.3. Kế hoạch nghiên cứu phát triển sản phẩm mới năm 2023:

STT	Dự kiến sản phẩm mới	Ghi chú/Thời gian triển khai
1	Cáp micro, OL 1.4, 12 SQ 250 micro	SP phát triển mới (chuyển tiếp từ năm 2022 sang). Thời gian dự kiến triển khai trong năm 2023
2	Hệ thống Loa IP sử dụng loa mới + Audio Box + Transmitter Box	SP phát triển mới (chuyển tiếp từ năm 2022 sang). Thời gian dự kiến triển khai trong năm 2023
3	Thiết bị giám sát năng lượng từ xa cho trạm BTS	SP phát triển mới (chuyển tiếp từ năm

		2022 sang). Thời gian dự kiến triển khai trong năm 2023
4	Ắc quy dân dụng cho xe máy/ xe đạp điện	Kế hoạch SP phát triển mới năm 2023. Thời gian dự kiến triển khai trong năm 2023
5	Ắc quy nhiệt độ cao cho Viễn thông	Kế hoạch SP phát triển mới năm 2023. Thời gian dự kiến triển khai trong năm 2023
6	Sản phẩm OLT/ONT mới	Kế hoạch SP phát triển mới năm 2023. Thời gian dự kiến triển khai trong năm 2023
7	Sợi đơn mode G654E	Kế hoạch SP phát triển mới năm 2023. Thời gian dự kiến triển khai trong năm 2023
8	Sợi đơn mode G652D loại 200 micro	Kế hoạch SP phát triển mới năm 2023. Thời gian dự kiến triển khai trong năm 2023
9	Ắc quy ứng cứu (loại vali kéo)	Kế hoạch SP phát triển mới năm 2023. Thời gian dự kiến triển khai trong năm 2023
10	Thiết bị giám sát tủ outdoor	Kế hoạch SP phát triển mới năm 2023. Thời gian dự kiến triển khai trong năm 2023
11	Modun cắt sét 1 pha (2 trong 1)	Kế hoạch SP phát triển mới năm 2023. Thời gian dự kiến triển khai trong năm 2023
12	Tủ nguồn hiệu suất cao	Kế hoạch SP phát triển mới năm 2023. Thời gian dự kiến triển khai trong năm 2023

Công ty sẽ triển khai thực hiện nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới năm 2023 phù hợp với chiến lược phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp.

NỘI DUNG 4 : PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2022; THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022; PHƯƠNG ÁN THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023; NGUYÊN TẮC TRÍCH LẬP QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI NĂM 2023

HĐQT kính trình Đại hội: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022; Thù lao của HĐQT & BKS năm 2022; Phương án thù lao HĐQT & BKS năm 2023; Nguyên tắc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023. như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế công ty mẹ	13.402.610.639
2	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế công ty con PDE	1.611.918.839
3	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế công ty con Postef Ba Đình	790.865.252

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
4	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế công ty con Postef Đà Nẵng	971.761.945
5	Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất công ty	16.777.156.675
5.1	Loại trừ lợi nhuận nội bộ sau hợp nhất	1.506.352.183
6	Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất công ty (sau khi loại trừ)	15.270.804.492
7	Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022	15.270.804.492
7.1	Số cổ phần đang lưu hành (19.430.006 cp)	194.300.060.000
7.2	Thanh toán cổ tức bằng tiền năm 2022 (6,15%)	11.949.453.690
7.3	Trích quỹ khen thưởng 10%	1.527.080.449
7.4	Trích quỹ phúc lợi 10%	1.527.080.449
7.5	Thù lao HĐQT, BKS công ty năm 2022: (NQ số 23/NQ-ĐHCD TN 2022 quy định về: Quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2022 x tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2022): 328.100.000 x 79,12% = 259.592.720 đồng	259.592.720
7.6	Lợi nhuận sau thuế để lại chưa phân phối	7.597.184

2. Thù lao HĐQT và BKS năm 2022

Tổng thù lao của HĐQT & BKS được tính toán như sau:

STT	Đơn vị	Thù lao kế hoạch HĐQT & BKS đã được ĐHCD 2022 phê duyệt (đồng)	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch của lợi nhuận sau thuế năm 2022 (đồng)	Thù lao năm 2022 được hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3)*(4)
1	Hội đồng quản trị	246.075.000	79,12%	194.694.540
2	Ban kiểm soát	82.025.000	79,12%	64.898.180
	Cộng	328.100.000		259.592.720

3. Phương án thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023

Căn cứ xây dựng:

- Công ty xây dựng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và mức lương bình quân năm 2023.

Phương án thù lao HĐQT và BKS năm 2023 dự kiến thông qua bằng 1,7% (x) lợi nhuận sau thuế (số kế hoạch) của năm 2023:

Stt	Đơn vị	Đơn vị tính	Thù lao năm 2023 = 1,7% (x) LNST KH (LNST KH 2023 = 16,5 tỷ đồng)
1	Hội đồng quản trị	Đồng	210.375.000
2	Ban kiểm soát	Đồng	70.125.000
	Tổng cộng	Đồng	280.500.000

Quyết toán:

- Trường hợp hoàn thành (bằng kế hoạch giao) chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2023 thì thù lao HĐQT và BKS bằng mức dự kiến ở trên.
- Thù lao HĐQT trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 01% (một phần trăm) lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch thì được tăng tối đa 02% (hai phần trăm); Tổng quỹ thù lao của HĐQT và BKS tối đa không quá 20% mức tiền lương thực hiện của Người quản lý chuyên trách năm 2023 (bao gồm thành viên chuyên trách HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên ban kiểm soát chuyên trách).
- Thù lao HĐQT trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 01% (một phần trăm) lợi nhuận sau thuế giảm so với kế hoạch thì giảm 01% (một phần trăm) so với mức hoàn thành kế hoạch.
- Trong trường hợp Công ty lỗ: Không chi thù lao.

4. Nguyên tắc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023, như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 sẽ bằng quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện năm 2022 x (nhân với) tỷ lệ LNST thực hiện năm 2023/LNST thực hiện năm 2022.

NỘI DUNG 5: ỦY QUYỀN CHO HĐQT LỰA CHỌN TỔ CHỨC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP ĐỂ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 CỦA CÔNG TY

Căn cứ Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng và Điều lệ Công ty.

Để đảm bảo thuận lợi cho công tác điều hành, Hội đồng quản trị thống nhất trình ĐHCĐ thường niên năm 2023 như sau:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán dưới đây thực hiện việc kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2023 và soát xét Báo cáo tài chính quý, sáu tháng đảm bảo một số tiêu chí như: năng lực của doanh nghiệp kiểm toán, chất lượng kiểm toán, chi phí hợp lý...

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ: Số 1, Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.38241990

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC – Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 6, toà nhà Việt Á, Số 9, phố Duy Tân, Hà Nội

Điện thoại: 024.32242403/024.66666369

3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, Số 34, Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.62883568/024.62885678

4. Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Số 02 – Đường Hải Triều – Quận 1 – TPHCM

Điện thoại: 028.38525252

Trên đây là Tờ trình của HĐQT về các nội dung kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Hải Vân



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

I. Báo cáo kết quả chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2022 của HĐQT

1. Nhân sự HĐQT năm 2022:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trần Hải Vân	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lương Tuấn Phương	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Huyền Sơn	Thành viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên HĐQT
6	Ông Lê Huy Đồng	Thành viên HĐQT
7	Ông Phạm Cảnh Huy	Thành viên HĐQT

2. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày văn bản	Nội dung
1	BB số: 37/BB-HĐQT	22/02/2022	Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ TN 2022
2	BB số: 215/BB-HĐQT	30/06/2022	Thông qua báo cáo sơ kết kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2022 và định hướng hoạt động 6 tháng cuối năm 2022; Thông qua tái cấp giới hạn tín dụng tại ngân hàng MSB, VIB và Vietinbank
3	BB số: 240/BB-HĐQT	27/07/2022	Thông qua ngày chốt DSCĐ để thanh toán cổ tức năm 2021
4	BB số: 337/BB-HĐQT	06/10/2022	Thông qua hạn mức tín dụng tại ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ
5	BB số: 338/BB-HĐQT	06/10/2022	Thông qua hạn mức tín dụng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Hà Thành

6	BB số: 339/BB-HĐQT	06/10/2022	Thông qua báo cáo sơ kết kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2022 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ các tháng cuối năm 2022
7	BB số: 423/BB-HĐQT	28/12/2022	Báo cáo đánh giá sơ kết hoạt động quý 4/2022, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch năm 2022
8	BB số: 424/BB-HĐQT	28/12/2022	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
9	BB số: 425/BB-HĐQT	28/12/2022	Thông qua hạn mức tín dụng tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội (Hà Tây)

3. Báo cáo về thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2022 :

STT	Đơn vị	Thù lao năm 2022 được hưởng (đồng)	Ghi chú
1	Hội đồng quản trị	194.694.540	Tính toán tại NỘI DUNG 4 – Mục 2
2	Ban kiểm soát	64.898.180	
	Cộng	259.592.720	

- Thù lao năm 2022 của HĐQT & BKS thực hiện theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và kết quả thực hiện năm 2022, thù lao cho từng thành viên được quyết toán theo nguyên tắc như sau:

(a) Căn cứ vào nhiệm vụ thực tế thực hiện của từng thành viên và mức độ đóng góp vào sự hoàn thành kế hoạch của Công ty.

(b) Tổng thù lao HĐQT & BKS được xem xét và thông qua tại NỘI DUNG 4 – Mục 2

4. Những nhiệm vụ trọng tâm HĐQT đã chỉ đạo thực hiện trong năm qua

- Thực hiện tinh thần nghị quyết mà ĐHĐCĐ thường niên 2022 đề ra, giám sát chỉ đạo điều hành Ban Tổng giám đốc để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được thông qua; Lựa chọn và ký kết hợp đồng kiểm toán với một trong bốn Công ty mà ĐHĐCĐ thường niên 2022 đã lựa chọn.

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc nỗ lực thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 tốt nhất có thể trong điều kiện tình hình thực tế.

5. Một số vấn đề còn tồn tại

- Chưa thực hiện được việc tăng vốn điều lệ nên thiếu vốn cho hoạt động SXKD, do vốn vay là chủ yếu, phải chịu chi phí lãi vay lớn nên giá thành sản phẩm khó cạnh tranh, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của công ty.

- Chưa thúc đẩy được việc tiêu thụ được sợi quang ra thị trường nước ngoài.

- Việc tiếp tục triển khai dự án đầu tư xây dựng còn chậm do còn một số vướng mắc về thủ tục, thay đổi cơ chế, chính sách.

II. Báo cáo chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Năm 2022, trong bối cảnh có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, mới hơn, phức tạp hơn. Tình hình thế giới biến động nhanh chóng, phức tạp, khó lường, nhiều vấn đề chưa có tiền lệ, vượt khả năng dự báo khi xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột Nga - Ucraina kéo dài; lạm phát tăng cao; nhiều quốc gia thắt chặt chính sách tiền tệ và tăng lãi suất; giá một số nguyên vật liệu đầu vào, hàng hóa cơ bản biến động mạnh, một số chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn; rủi ro trên các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản; tăng trưởng kinh tế suy giảm và có xu hướng suy thoái; hậu quả của dịch bệnh COVID-19 kéo dài, ảnh hưởng lớn tại nhiều quốc gia, khu vực. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi rất cơ bản, tình hình chính trị, xã hội ổn định, dịch bệnh được kiểm soát..., nền kinh tế phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đến từ những yếu tố bên ngoài và bên trong. Hậu quả dịch bệnh cần thời gian để khắc phục; tác động của nhiều yếu tố bất lợi từ bên ngoài tạo sức ép lớn đối với điều hành kinh tế vĩ mô; áp lực lạm phát tăng cao; nhiều thị trường lớn, truyền thống suy giảm; nợ xấu có xu hướng tăng; giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh, chi phí sản xuất, kinh doanh tăng; nhiều vấn đề tồn đọng kéo dài cần được giải quyết.

Tuy vậy, Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế phục hồi nhanh, các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm tăng 3,15%. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu ước đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5%, trong đó xuất khẩu đạt 371,85 tỷ USD, tăng 10,6%; cán cân thương mại duy trì xuất siêu năm thứ 7 liên tiếp, ước đạt 11,2 tỷ USD. GDP tăng 8,02%, nâng quy mô nền kinh tế lên 409 tỷ USD, bình quân đầu người đạt 4.110 USD.

Bên cạnh các kết quả đạt được là cơ bản, nước ta vẫn còn những tồn tại, hạn chế và khó khăn, thách thức. Kinh tế vĩ mô chưa thật ổn định vững chắc, sức ép lạm phát cao; sản xuất kinh doanh trong một số ngành, lĩnh vực gặp khó khăn.

Trong năm 2022, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng Công ty vẫn kiên trì bám sát thực hiện mục tiêu, tuy nhiên dự kiến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 sẽ không đạt được toàn diện như kế hoạch đã đề ra, dự kiến kết quả một số chỉ tiêu chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022 (ĐHĐCĐ đã thông qua) (đồng)	Dự kiến thực hiện năm 2022 (đồng)	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	1.229.500.000.000	1.481.192.077.495	120,47%
2	Lợi nhuận sau thuế (Hợp nhất BCTC)	19.300.000.000	15.270.804.492	79,12%
3	Cổ tức	7,6%	6,15%	80,92%

Năm 2022 là một năm có nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên HĐQT đã có những định hướng chiến lược cụ thể cho từng giai đoạn. Báo cáo các đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty năm 2022 như sau:

- 1. Với sự định hướng và chỉ đạo sát sao của HĐQT công ty, trong năm Công ty đã đạt được những kết quả sau:**

- ❖ Bám sát chủ trương, định hướng chiến lược của Tập đoàn VNPT, Hội đồng quản trị công ty, Công ty vượt qua các khó khăn thách thức để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo các sản phẩm trọng điểm phục vụ cho ngành Viễn thông, vừa duy trì phù hợp đối với các sản phẩm truyền thống.
- ❖ Trên cơ sở định hướng, chiến lược VNPT 4.0 và chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn VNPT, Công ty đã chuẩn bị cho công tác chuyển đổi số Doanh nghiệp giai đoạn 2021 – 2025 và tiếp tục thực hiện từng bước cẩn trọng, tránh gây xáo trộn lớn trong năm 2022. Tuy năm 2022 không đạt được toàn diện các chỉ tiêu của ĐHCĐ thường niên năm 2022 nhưng công ty đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đều có kết quả tăng trưởng cao hơn so với năm 2021.
- ❖ Về nghiên cứu phát triển đề tài KHCN: Đã triển khai thực hiện một số đề tài khoa học công nghệ, sản phẩm mới theo nghị quyết ĐHCĐ, đăng ký với Tập đoàn VNPT, Bộ Thông tin và Truyền thông. Đồng thời đăng ký đề tài KHCN, sản phẩm mới trong năm 2022 theo chủ trương của Nhà nước và chỉ đạo của các Bộ, Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
- ❖ Về công tác đầu tư:

+ Dự án Công trình đa chức năng Postef tại số 61 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

- Ngày 01/02/2019 Công ty đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ335698 của Sở Tài nguyên Môi trường;
- Dự án đã hoàn thành các thủ tục xin đấu nối điện, nước, PCCC với các Sở ban ngành;
- Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND Thành phố Hà Nội điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Công trình Đa chức năng Postef;
- Giấy phép xây dựng số: 83/GPXD ngày 08/12/2020 do Sở Xây dựng Hà Nội cấp;
- Đã hoàn thiện thông báo khởi công được UBND Phường Điện Biên xác nhận.
- Công ty đã hoàn thiện hồ sơ thủ tục khởi công dự án (phần ngầm) theo đúng quy định.
- Đã được UBND quận Ba Đình cấp giấy phép tạm thời sử dụng hè phố (lần đầu) xung quanh khu vực triển khai dự án (Giấy phép số 23/GPHP-UBND ngày 25/01/2022 của UBND quận Ba Đình);
- Văn bản số: 4571/VP-ĐT ngày 19/5/2022 của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội v/v thi tuyển phương án kiến trúc công trình đa chức năng Postef tại 61 Trần Phú, quận Ba Đình;
- Văn bản số: 2337/QHKT-NĐ ngày 03/6/2022 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội v/v Quy hoạch kiến trúc dự án công trình đa chức năng Postef tại khu đất số 61 phố Trần Phú, phường Điện Biên, quận Ba Đình;

- Đã hoàn thiện công tác thi tuyển phương án kiến trúc trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2022. Đang chuẩn bị hoàn thiện hồ sơ đề báo cáo UBND thành phố Hà Nội, Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội đồng thời đã đăng tải kết quả thi tuyển phương án kiến trúc trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

+ **Dự án Nhà ở tổ hợp đa chức năng tại số 63 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội.**

- Dự án đã hoàn thành các công tác khoan khảo sát địa chất phục vụ công tác thiết kế, rà soát bom mìn, thăm định nhu cầu sử dụng đất tại Sở Tài nguyên Môi trường, thăm định hồ sơ thiết kế tại Bộ xây dựng, hoàn thành công tác thí nghiệm cọc nhồi...

- Ngày 12/01/2022, UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số: 119/QĐ-UBND về việc cho Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện tiếp tục thuê đất tại số 63 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân – Hà Nội, Công ty đang hoàn thiện thủ tục giấy tờ để ký hợp đồng thuê đất mới. Vì vậy cần phải thực hiện các thủ tục tiếp theo hướng dẫn của UBND Thành phố Hà Nội.

- Sở Tài Nguyên và Môi Trường đang hướng dẫn Công các thủ tục còn lại để Công ty ký hợp đồng thuê đất theo quy định.

- Các thủ tục tiếp theo của dự án cần phải thực hiện theo hướng dẫn của UBND Thành phố Hà Nội, các Sở, Ban, Ngành liên quan.

❖ Công ty đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 (quý, bán niên, cả năm) với Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC và công bố thông tin theo quy định.

2. Khó khăn, thách thức:

1. Quá trình triển khai áp dụng CNTT, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh đối với doanh nghiệp có quá trình hoạt động lâu năm như Postef diễn ra còn chậm, công tác kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm được duy trì thường xuyên nhưng còn ở mức thấp, cần tập trung triển khai theo lộ trình chuyển đổi thành doanh nghiệp có phương thức sản xuất hiện đại, nâng cao năng suất lao động, tạo ra được giá trị gia tăng hơn nữa, mang lại hiệu quả cao hơn cho doanh nghiệp, tạo nguồn lực để phát triển bền vững, tiến tới chuyển đổi thành doanh nghiệp số.

2. Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, các đề tài khoa học công nghệ, các giải pháp và dịch vụ còn chậm, chưa có bước đột phá, tiên phong.

3. Công tác tuyển dụng nhân sự cho nhà máy tiếp tục gặp khó khăn về vị trí địa lý, tiêu chuẩn, trình độ lao động...

4. Trong công tác quản trị tài chính, hệ số nợ/vốn CSH còn cao so với quy định, một phần do không tăng được vốn điều lệ của công ty để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Nhà máy sản xuất sợi quang đã hoạt động được trên 3 năm, nhưng phương án phát hành tăng vốn phục vụ cho công tác đầu tư nhà máy không được phê duyệt. Vì vậy Công ty khó khăn nguồn vốn hoạt động; Nguồn vốn hoạt động chủ yếu vốn vay nên chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn trong mục chi phí SXKD.

6. Việc phát triển sản phẩm sợi quang ra thị trường ngoài nước cần phải được nghiên cứu kỹ lưỡng thị trường và có kế hoạch triển khai thực hiện bài bản. Trong đó khó khăn là giá thành sản xuất sản phẩm còn cao hơn đối thủ cạnh tranh, chi phí logistic, mất nhiều thời gian để xây dựng thương hiệu sản phẩm tại thị trường nước ngoài.

7. Việc chuyển đổi số doanh nghiệp có nhiều thách thức, năng lực công nghệ trong nước chưa cao, chưa làm chủ được những công nghệ cốt lõi của chuyển đổi số mà chủ yếu là đi sau và ứng dụng những công nghệ chuyển đổi số đã được phát triển sẵn trên thế giới. Mặt khác chi phí đầu tư cho chuyển đổi số lớn mới tiếp cận được nhà máy hiện đại, nhà máy thông minh và công nghệ mới nhất.

8. Về chất lượng lao động, nhân lực cần thiết có nguồn nhân lực chất lượng cao để làm chủ công nghệ mới phục vụ cho chuyển đổi số. Với một doanh nghiệp đã thành lập lâu năm như Postef, việc phải loại bỏ cái cũ để tiến thẳng lên cái mới sẽ gặp nhiều thách thức trong đó thách thức về chi phí bỏ ra trong điều kiện nguồn lực tài chính còn hạn hẹp cũng như các vấn đề xã hội trong doanh nghiệp.

3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty năm 2022:

Ban Tổng giám đốc Công ty đã thực hiện đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của HĐQT, hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, quy chế quản trị Công ty và các Quy chế HĐQT ban hành, phù hợp với Luật doanh nghiệp hiện hành.

Trong công tác điều hành, ban Tổng giám đốc chủ động, linh hoạt giải quyết được những vướng mắc những khó khăn và đưa ra giải pháp thích hợp để hạn chế các chi phí phát sinh, phù hợp theo từng giai đoạn. HĐQT và Ban Tổng giám đốc thường xuyên phối hợp, thống nhất trong phương pháp điều hành, đưa ra những giải pháp phù hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Ban Tổng giám đốc duy trì đều đặn các cuộc họp định kỳ, giao ban tháng, các cuộc họp chuyên đề như kế hoạch, kinh doanh, đầu tư, nghiên cứu phát triển, đề tài KH-CN, sản phẩm mới ... nhằm giải quyết tháo gỡ những khó khăn vướng mắc phát sinh và kịp thời đề xuất, kiến nghị HĐQT để có những chỉ đạo định hướng phù hợp với tình hình thực tế.

Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm ổn định trong tình hình thực tế có nhiều biến động, khó khăn, thách thức, đã tạo được công ăn việc làm, duy trì ổn định thu nhập, các chế độ phúc lợi cho người lao động, bảo đảm chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; Bảo toàn và phát triển vốn; Nộp ngân sách nhà nước đủ và đúng hạn. Đó là tiền đề cho công ty phát triển trong năm tiếp theo.

III. Định hướng phát triển

1. Định hướng phát triển

Công ty luôn bám sát định hướng của Chính phủ, Bộ TT&TT về phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình, chuyển đổi số doanh nghiệp, chiến lược VNPT4.0 và chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn VNPT.

Năm 2023 được dự báo tình hình quốc tế, trong nước có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Đại dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, hậu quả kéo dài; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột Nga - Ucraina còn diễn biến khó lường. Lạm phát ở mức cao, xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất tiếp tục kéo dài, tăng trưởng kinh tế có xu hướng chậm lại, nguy cơ suy thoái gia tăng tại nhiều quốc gia, khu vực. Ở trong nước, sức ép lạm phát còn lớn; các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thông bị thu hẹp; tình hình sản xuất kinh doanh, lao động và việc làm trong nhiều ngành, lĩnh vực tiếp tục gặp khó khăn; những yếu tố đột xuất, bất ngờ tác động, ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực, tiềm ẩn rủi ro, khó dự báo.

Trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2022, với định hướng, chỉ đạo, hướng dẫn của Tập đoàn VNPT đối với năm 2023, Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện xây dựng phương hướng nhiệm vụ năm 2023 và định hướng cho các năm tiếp theo, như sau:

I/ Mục tiêu phát triển: Mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2023 là cố gắng phấn đấu đạt được các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua. Để thực hiện mục tiêu này Ban Lãnh đạo công ty đã đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2023 ngay từ đầu năm, trong đó tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

II/ Quan điểm phát triển: Phát triển bền vững, công nghệ hiện đại, chuyên môn hóa hiện đại hóa công nghệ sản xuất; Chú trọng phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh chính, sản phẩm trọng điểm; Tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hơn nữa giá trị gia tăng của sản phẩm; Nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường trong khu vực và trên thế giới; Phát triển thêm một số ngành nghề phân phối sản phẩm dịch vụ, dịch vụ giá trị gia tăng khác;

III/ Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

1. Về quản trị doanh nghiệp:

- Tiếp tục hoàn thiện giai đoạn đầu về số hóa hệ thống quản trị, điều hành doanh nghiệp.
- Cập nhật, điều chỉnh mô hình hoạt động phù hợp với tình hình thực tế và mục tiêu chiến lược phát triển của công ty, chủ trương, định hướng của Tập Đoàn về chuyển đổi số.

- Tiếp tục chuẩn bị các điều kiện phù hợp tình hình thực tế về nguồn lực con người, cơ sở hạ tầng,... để triển khai giai đoạn tiếp theo về xây dựng nhà máy thông minh, phù hợp với định hướng phát triển của Tập đoàn VNPT.
- Triển khai các kế hoạch, chương trình hành động trên cơ sở chiến lược phát triển của công ty giai đoạn 2020 - 2025 gắn với các mục tiêu kế hoạch đề ra năm 2023; triển khai gắn liền tới các nhà máy, chi nhánh, công ty con, các đơn vị, phòng ban chức năng công ty theo tiến độ và lộ trình đặt ra.
- Tùy theo tình hình và điều kiện thực tế, tiếp tục rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung để thực hiện việc tái cấu trúc công ty, đáp ứng được chiến lược, mục tiêu phát triển bền vững trong giai đoạn đến năm 2030.

2. Về Đầu tư & Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới:

- Tập trung nghiên cứu, đầu tư bổ sung máy móc thiết bị để sản xuất một số loại sản phẩm sợi quang công nghệ cao.
- Nghiên cứu phát triển nhóm sản phẩm về sử dụng năng lượng tái tạo gắn với sản phẩm của công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm và dịch vụ tích hợp (IDC và IOT)
- Các đề tài khoa học công nghệ, sản phẩm mới phù hợp thị trường, xu thế phát triển

3. Về công tác kinh doanh phát triển thị trường:

- Bên cạnh việc tham gia vào chuỗi giá trị chung của Tập đoàn, việc hoạch định, phân khúc thị trường khách hàng ngoài Tập đoàn cũng rất quan trọng và cố gắng duy trì, nâng cao tỷ trọng đóng góp của phân khúc này trong tổng thể hoạt động của công ty trong năm 2023.
- Tìm kiếm thị trường xuất khẩu sợi thủy tinh dùng cho thông tin quang tại các nước Đông Nam Á và Châu Á
- Tìm kiếm, hợp tác với các đối tác tại Việt Nam và trong khu vực để nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới đáp ứng được nhu cầu khách hàng, sẽ mang lại giá trị cao trong hoạch định phát triển sản phẩm.

4. Về công tác tài chính:

- Khả năng cấp tín dụng và nguồn vốn cho các đơn vị được đáp ứng trong khi vốn chủ sở hữu còn thấp không đáp ứng nhu cầu của vòng quay vốn.
- Không tăng được vốn điều lệ nên cũng ảnh hưởng đến các chỉ tiêu tài chính của công ty, do vậy cần có các giải pháp cụ thể khác để đạt được các chỉ tiêu tài chính trong ngưỡng an toàn, nâng cao tính thanh khoản trong các mặt hoạt động của công ty.
- Thúc đẩy áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị công nợ, rút ngắn chu kỳ vòng quay vốn SXKD, quản trị rủi ro, với mục tiêu đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả SXKD.

- Tiếp tục cập nhật, tham gia các lớp tập huấn công tác tài chính kế toán nâng cao nghiệp vụ cho bộ phận Tài chính kế toán của Công ty, các chi nhánh, nhà máy, công ty con.

5. Về công tác tổ chức, nhân sự:

- Về công tác tuyển dụng: năm 2023, trên cơ sở nhu cầu thực tế Công ty xây dựng phương án sử dụng lao động hiện có, tuyển dụng nhân sự mới đáp ứng các nhu cầu và đòi hỏi về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với Chiến lược phát triển chung, chuyển đổi số doanh nghiệp.
- Về công tác đào tạo: Trong năm 2023 Công ty tiếp tục tổ chức các khóa, lớp đào tạo, tự đào tạo nội bộ cho bộ phận kinh doanh, kỹ thuật, giới thiệu, phổ biến kiến thức về sản phẩm mới, thông qua việc tự tổ chức hoặc thuê các chuyên gia về các lĩnh vực liên quan nhằm nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên Công ty.
- Xây dựng, bổ sung, phát triển nguồn nhân lực R&D của Công ty nhằm củng cố, hỗ trợ các đơn vị trong việc giám sát chất lượng, tư vấn các giải pháp kỹ thuật, tham gia các mảng kinh doanh về công nghệ thông tin, tự động hoá, hướng tới mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp.

6. Về Công tác giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm:

- Giám sát, kiểm tra chất lượng và chuẩn hóa tiêu chuẩn nguyên vật liệu đầu vào để đảm bảo chất lượng đầu ra của sản phẩm đúng theo các chỉ tiêu và kỹ thuật yêu cầu.
- Định kỳ đưa ra các giải pháp, phong trào thi đua, các buổi hội thảo, thuyết trình nhằm kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm sản xuất ra tại các công đoạn, các khâu của quá trình sản xuất sao cho tỷ lệ sản phẩm lỗi, hỏng ở mức thấp nhất qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Thường xuyên thực hiện đo kiểm, đánh giá, kiểm tra chất lượng sản phẩm một cách độc lập, đảm bảo tính khách quan đối với chất lượng các sản phẩm đầu ra của Công ty.
- Đưa ra các giải pháp, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả SXKD tại các dây chuyền của các nhà máy, đơn vị trong Công ty.

Trên đây là nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2022, kế hoạch năm 2023, trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 xem xét, thông qua

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ TN2023;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Hải Vân

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**

- Căn cứ Luật doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn ;
- Căn cứ luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty sửa đổi năm 2020;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ban hành năm 2020;
- Căn cứ quy chế hoạt động Ban Kiểm soát
- Căn cứ nghị quyết số 23 /NQ-ĐHĐCĐ TN2022 Đại hội đồng cổ đông năm 2022;
- Căn cứ biên bản họp Ban kiểm soát số 69 /2023/BB-BKS ngày 22/02/2023;

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2022 như sau :

Phần I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

1.Các hoạt động của Ban kiểm soát

Trên cơ sở quyền hạn và nhiệm vụ được quy định và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua, hoạt động của ban kiểm soát đã đạt được kết quả sau:

1.1 Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2022 (BKS) đã tổ chức 03 phiên họp với sự tham gia đầy đủ của tất cả các thành viên để thực hiện công việc liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, rà soát hệ thống văn bản quản lý nội bộ và thẩm định BCTC của Công ty. Trong các cuộc họp các kiểm soát viên làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, việc tổ chức các cuộc họp và ban hành văn bản của Ban kiểm soát đã thực hiện theo đúng quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của BKS.

1.2 Công tác giám sát của Ban kiểm soát

Thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, các kiểm soát viên tích cực thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành chung của toàn Công ty cụ thể:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty, thực hiện các công việc khác theo quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, điều lệ Công ty và các quy định hiện hành.
- Đại diện BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, Tại cuộc họp đại diện BKS tham gia ý kiến đối với HĐQT và Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Phối hợp với Công ty kiểm toán độc lập trong công tác soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2022 của toàn Công ty.
- Theo dõi giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng: Công bố BCTC quý, 6 tháng và cả năm 2022; biên bản, nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022, các thông tin liên quan đến công tác thay đổi nhân sự chủ chốt ... theo quy định của pháp luật.
- Thông qua người đại diện vốn của 3 công ty con PDE và POSTEF Ba Đình và POSTEF Đà Nẵng có 100% vốn POSTEF để đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh và BCTC cả năm 2022.
- Hàng tháng Ban kiểm soát cử đại diện tham dự cuộc họp giao ban và các cuộc họp đột xuất khác, tham gia cho ý kiến tại các cuộc họp về đánh giá kết quả thực hiện của các bộ phận trong toàn Công ty.
- BKS thẩm tra báo cáo tài chính của Công ty, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, kiểm tra giám sát việc tuân thủ, gặp gỡ và trao đổi trực tiếp với các bộ phận liên quan.
- Kiến nghị HĐQT, ban điều hành trong việc xây dựng sửa đổi quy chế Công ty để làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý điều hành trên các mặt hoạt động của Công ty.
- Kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông: Từ sau kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đến nay Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông về việc kiểm tra hoạt động quản lý điều hành của Công ty.

1.3 Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm Soát

- Năm 2022 các kiểm soát viên chưa nhận thù lao theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ theo quy định của Công ty

2. Đánh giá kết quả hoạt động của BKS

Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ được quy định tại điều lệ Công ty và luật doanh nghiệp với kết quả hoạt động đã nêu trên BKS tự đánh giá như sau:

- Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình trong việc giám sát HĐQT, ban điều hành trong việc quản trị và điều hành Công ty.
- Thẩm định BCTC hàng quý, 6 tháng và cả năm 2022 của Công ty được kiểm toán bởi hãng kiểm toán AASC.
- Đề xuất và kiến nghị với ban điều hành để Công ty hoạt động phát triển bền vững.

- Các thành viên BKS chủ động nỗ lực giải quyết công việc đề xuất xử lý các vấn đề trong phạm vi công việc được phân công tuân thủ các quy định của luật doanh nghiệp và hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao phó.

Phần II. Kết quả kiểm tra, kiểm soát năm 2022

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Ban kiểm soát được mời và tham dự đầy đủ các phiên họp trực tiếp của HĐQT Công ty, được nhận đầy đủ các tài liệu họp các quyết định và nghị quyết sau khi được HĐQT thông qua.

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định của điều lệ Công ty. HĐQT ban hành các nghị quyết, quyết định đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định về thẩm quyền, số lượng thành viên dự họp; các cuộc họp đều được lập biên bản.

- Hội đồng quản trị đã triển khai các cuộc họp thống nhất về chiến lược định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, quyết nghị và giám sát ban điều hành trong việc triển khai và thực hiện các nội dung của nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022

- Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty, bảo đảm lợi ích Công ty và của Cổ đông

2. Hoạt động của ban điều hành năm 2022 theo nghị quyết ĐHĐCĐ

2.1 Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2022

- Tổng Doanh thu (DT bán hàng CCDV, Doanh thu HĐTC, Thu nhập khác): 1.488,8 tỷ đạt 121% kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế: 15,292 tỷ đạt 78.2 %,

- Lãi Cơ bản trên cổ phiếu đạt: 7.86%

- Tỷ suất LNST/VCSH: 4.62 %, kế hoạch ĐHĐCĐ năm 2022 giao 8.38 % đạt tỷ lệ 55 %

- Quỹ tiền lương thực hiện: 46.16 tỷ kế hoạch trình ĐHĐCĐ năm 2022 là 73.2 tỷ đạt 63%

- Lao động bình quân: 376 người kế hoạch trình ĐHĐCĐ năm 2022 là 500 người đạt 75.2 %

- Thu nhập bình quân: 11.5 triệu đồng/ người/ tháng (đã bao gồm các khoản chi cho người lao động từ quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty) kế hoạch trình ĐHĐCĐ năm 2022 là 12.2 triệu đạt 94.8 %

2.2 Về phân phối lợi nhuận sau thuế và trả Cổ tức:

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

2.3 Về lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC của Công ty

Công ty đã thực hiện lựa chọn Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022

2.4 Về thù lao HĐQT

Trong năm 2022 chưa chi thù lao HĐQT theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022

2.5 Về hoạt động đầu tư năm 2022

Năm 2022 Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch đầu tư 17.08 tỷ đồng, trong năm 2022 tổng đầu tư thực hiện là 7.14 tỷ trong đó đầu tư nâng cao năng suất máy móc thiết bị và sửa chữa thường xuyên 2.22 tỷ đầu tư phương tiện vận tải 4.92 tỷ

2.6 Dự án công trình đa chức năng POSTEF tại 61 Trần Phú Ba Đình Hà Nội

- Căn cứ giấy phép xây dựng số 83/ GPXD cấp ngày 8/12/2020 của Sở xây dựng Hà Nội về việc xây dựng “Phần ngầm” của dự án “Công trình đa chức năng POSTEF “thời hạn của giấy phép 12 tháng kể từ ngày cấp.

- Ngày 19/11/2021 Công ty đã tiến hành gửi thông báo với chính quyền địa phương Ủy ban nhân dân Phường Điện Biên về thời gian khởi công xây dựng là ngày 07/12/2021.

- Trong năm Ban quản lý dự án 61 Trần phú đã tiến hành triển khai một số các thủ tục về việc triển khai khởi công phần ngầm của dự án

- Thông báo số 48/TB-POSTEF-TCHC ngày 28/02/2022 (về việc chuyển nơi làm việc của khối văn phòng Công ty), ngày 07/03/2022 toàn bộ cán bộ Công nhân viên khối văn phòng Công ty làm việc tại khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh để Công ty tiến hành công tác di dời và giải phóng mặt bằng và tiến hành sửa chữa dây nhà mặt đường Hùng Vương làm văn phòng của Công ty.

2.7 Các hoạt động khác của ban điều hành

- Trong năm ban điều hành đã tiến hành tái cơ cấu các nhà máy khu vực VSIP để các bộ phận trong nhà máy hợp lực và phát huy tốt hơn về nhân lực và các nguồn lực khác trong quá trình sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

- Căn cứ quyết định 51264/QĐ-CTHN-TTKT3 ngày 24/10/2022 về việc thanh tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế và quyết định số 51265/QĐ-CTHN-TTKT3 ngày 24/10/2022 về việc giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra thuế, Công ty đã tiếp và làm việc với đoàn thanh tra thuế giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2021 của Công ty, trong năm 2022 đoàn thanh tra chưa kết luận về kết quả thanh tra thuế. Ngày 10/02/2023 Cục thuế thành phố Hà nội đã ban hành kết luận số 4773/KL-CTHN-TTKT3 về việc thanh tra thuế giai đoạn 2018-2021 của Công ty

3. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022:

3.1 Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 của Công ty được lập theo chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành; được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC - đơn vị đã được UBCK nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.

3.2 Thẩm định báo cáo tài chính:

Các số liệu về vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2022 và kết quả kinh doanh của Công ty thực hiện trong năm 2022 như sau:

a. Một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	năm 2022	năm 2021	Tăng (+) giảm(-)
A. Tài sản ngắn hạn		1,223,022	1,035,326	187,696
1. tiền và các khoản tương đương tiền		201,155	129,086	72,069
2. các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		1073	50,072	(48,999)
3. Các khoản phải thu ngắn hạn		675,030	578,174	96,856
4. Hàng tồn kho		329,118	259,123	69,995
5. tài sản ngắn hạn khác		16,647	18,868	(2,221)
B. Tài sản dài hạn		1,252,275	1,277,939	(25,664)
1. các khoản phải thu dài hạn		25,087	25,061	26
2. Tài sản cố định		336,595	365,617	(29,022)
3. Bất động sản đầu tư		2,165		2,165
3. Tài sản dở dang dài hạn		816,657	811,466	5,191
4. Đầu tư tài chính dài hạn		13,578	13,578	0
5. Tài sản dài hạn khác		58,192	62,215	(4,023)
Tổng cộng tài sản		2,475,297	2,313,265	162,032
A. Nợ phải trả		2,144,955	1,985,097	159,858
1. Nợ ngắn hạn		1,170,454	980,939	189,515
2. Nợ dài hạn		974,501	1,004,157	(29,656)
B. vốn chủ sở hữu		330,342	328,168	2,174
Chỉ tiêu khả năng thanh toán				
Hệ số khả năng thanh toán tổng quát = Tổng tài sản / Tổng nợ phải trả	lần	1.15	1.17	-0.01
Hệ số khả năng thanh toán hiện hành = Tổng tài sản ngắn hạn / Tổng nợ ngắn hạn	lần	1.04	1.055	-0.011
Hệ số khả năng thanh toán nhanh = (Tổng tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho) / Tổng nợ ngắn hạn	lần	0.73	0.75	-0.02
Hệ số khả năng thanh toán lãi vay = Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT) / Lãi vay phải trả	lần	1.54	1.56	-0.02
Vòng quay hàng tồn kho = giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho trung bình	lần	4.48	4.40	0.08

- Tổng tài sản của Công ty cuối năm tăng 162 tỷ chủ yếu là tăng khoản phải thu ngắn hạn tăng 96 tỷ, hàng tồn kho tăng 69 tỷ

- Nợ phải trả tăng 159 tỷ chủ yếu do tăng nợ vay ngắn hạn

- Vốn chủ sở hữu tăng 2.1 tỷ so với đầu năm là do tăng lợi nhuận trong kỳ của Công ty

Một số chỉ tiêu khả năng thanh toán của toàn Công ty

- **Hệ số khả năng thanh toán tổng quát:** năm 2022 chỉ số của Công ty là 1.15 đảm bảo khả năng thanh toán, giảm 0.01 so với năm 2021.

- **Hệ số khả năng thanh toán hiện hành:** Hệ số này của Công ty năm 2022 là **1.04** năm 2021 là **1.05** giảm **0.1** so với năm 2021

- **Hệ số khả năng thanh toán nhanh:** Hệ số khả năng thanh toán nhanh năm 2022 là **0.73** năm 2021 là **0.75** giảm so với năm 2021 là **0.02** cho thấy Công ty cần có giải pháp quản trị tốt các luồng tiền để tránh rủi ro việc mất tính thanh khoản của Công ty

- **Hệ số khả năng thanh toán lãi vay:** năm 2022 là **1.54** và năm 2022 là **1.56** năm 2022 hệ số này giảm so 2021 là **0.02** do vậy cho thấy Công ty đang chịu áp lực về vay vốn và chi phí lãi vay

- **Vòng quay hàng tồn kho:** Trong năm 2022 hệ số Vòng quay hàng tồn kho là 4.48 năm 2022 hệ số này 4.40 tăng so với năm 2021 là **0.08**

b. Một số chỉ tiêu trên bảng kết quả kinh doanh hợp nhất

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	ĐVT: triệu đồng		
			THỰC HIỆN 2022	THỰC HIỆN 2021	Tăng (+) giảm (-) năm 2022 so với 2021
1	Doanh thu thuần (BCTCHN) đã loại trừ các khoản giảm trừ, chưa bao gồm doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác		1,481,192	1,124,991	356,201
2	Lợi nhuận gộp		163,492	143,401	20,091
3	Lợi nhuận trước thuế		22,464	18,424	4,040
4	Lợi nhuận sau thuế		15,271	13,255	2,016
5	Giá vốn hàng bán		1,317,700	981,590	336,110
6	Chi phí bán hàng		24,691	33,159	(8,468)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp		72,519	62,437	10,082
8	Chi phí tài chính		48,719	33,178	15,541
	Trong đó chi phí lãi vay		41,704	32,899	8,805
	Tỷ suất				
1	Tỷ suất chi phí lãi vay/ doanh thu	%	2.82%	2.92%	
1	Tỷ suất Lợi nhuận gộp / Doanh thu	%	11.0%	12.7%	-1.7%
2	Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	%	1.52%	1.64%	-0.1%
3	Tỷ suất giá vốn hàng bán /doanh thu	%	88.96%	87.25%	1.7%
4	Tỷ suất Chi phí bán hàng /doanh thu	%	1.7%	2.9%	-1.3%
5	Tỷ suất Chi phí quản lý /doanh thu	%	4.90%	5.55%	-0.7%
6	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / VCSH	%	4.62%	4.04%	0.6%

- Tỷ suất lợi nhuận gộp/ doanh thu của năm 2022 so với 2021 giảm 1.7%

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu, năm 2022 so với 2021 giảm 0.1%

- Tỷ suất giá vốn hàng bán / Doanh thu, năm 2022 so với 2021 tăng 1.7%
- Tỷ suất chi phí bán hàng / doanh thu, năm 2022 so 2021 giảm 1.3% chủ yếu do trong năm 2022 các khoản trích lập bảo hành tới hạn hoàn nhập dự phòng (12.4 tỷ) năm 2021 là 1.2 tỷ
- Tỷ suất chi phí quản lý / doanh thu, năm 2022 so 2021 giảm 0.7 %
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / VCSH năm 2022 so với năm 2021 tăng 0.6%

Thông qua các chỉ số phân tích trên Công ty cần quản trị tốt các khoản chi phí như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp(chi phí tiếp khách, chi phí lễ tân khánh tiết) và chi phí lãi vay để tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

c. Một số chỉ tiêu trên bảng kết quả kinh doanh công ty mẹ

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022 CTY mẹ	Năm 2021 CTY mẹ	ĐVT: triệu đồng
					Tăng (+) giảm (-) năm 2022 so với 2021
1	Doanh thu thuần đã loại trừ các khoản giảm trừ doanh thu		1,537,798	1,151,729	386,069
2	Lợi nhuận gộp		141,198	128,652	12,546
3	Lợi nhuận trước thuế		20,029	16,570	3,459
4	Lợi nhuận sau thuế		13,402	11,599	1,803
5	Giá vốn hàng bán		1,396,055	1,021,332	374,723
6	Chi phí bán hàng		17,695	29,591	(11,896)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp		60,381	54,601	5,780
8	Chi phí tài chính		48,687	32,257	16,430
	Trong đó chi phí lãi vay		41,690	32,609	9,081
	Tỷ suất				
	Tỷ suất chi phí lãi vay/ doanh thu	%	2.71%	2.83%	-0.12%
1	Tỷ suất Lợi nhuận gộp / Doanh thu	%	9%	11%	-2.0%
2	Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	%	1.30%	1.44%	-0.1%
3	Tỷ suất giá vốn hàng bán /Doanh thu	%	90.8%	88.7%	2.1%
4	Tỷ suất Chi phí bán hàng /doanh thu	%	1.15%	2.57%	-1.4%
5	Tỷ suất Chi phí quản lý /doanh thu	%	3.9%	4.7%	-0.8%

d. Báo cáo đánh giá Công ty con và công ty liên kết có vốn góp

Công ty có các Công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 là Công ty PDE, Công ty POSTEF Ba Đình và Công ty POSTEF Đà Nẵng được quản lý thông qua người đại diện vốn của POSTEF

- Công ty PDE : Vốn điều lệ 32 tỷ, 100% vốn POSTEF

- Công ty POSTEF Ba Đình : Vốn điều lệ 5 tỷ lệ ,100% vốn POSTEF
- Công ty POSTEF Đà Nẵng : Vốn điều lệ 30 tỷ, 100% vốn POSTEF

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY CON: PDE, POSTEF BA ĐÌNH, POSTEF ĐÀ NẴNG NĂM 2022

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022 PDE	ĐVT: triệu đồng	
				Năm 2022 POSTEF Ba Đình	Năm 2022 POSTEF Đà Nẵng
1	Doanh thu thuần đã loại trừ các khoản giảm trừ doanh thu		272,581	49,933	115,292
2	Lợi nhuận gộp		7,221	6,535	8,069
3	Lợi nhuận trước thuế		1,678	1,005	1,257
4	Lợi nhuận sau thuế		1,611	791	972
5	Giá vốn hàng bán		265,360	43,397	107,222
6	Chi phí bán hàng		141.7	2,719	4,134
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp		6,426	2,866	2,844
8	Chi phí tài chính		14	16	0
	Trong đó chi phí lãi vay		14	-	
	Tỷ suất				
1	Tỷ suất Lợi nhuận gộp / Doanh thu	%	3%	13%	7%
2	Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	%	0.62%	2.01%	1.09%
3	Tỷ suất giá vốn hàng bán /Doanh thu	%	97.4%	86.9%	93%
4	Tỷ suất Chi phí bán hàng /doanh thu	%	0.05%	5.45%	3.59%
5	Tỷ suất Chi phí quản lý /doanh thu	%	2.4%	5.7%	2.5%
6	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / VCSH		4.7%	13.7%	3.1%

Các Công ty con cần tiết giảm các khoản chi phí để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty. Với số vốn góp 67 tỷ, lợi nhuận sau thuế các công ty con mang lại theo tỷ lệ tương ứng đạt 5.30% chưa đạt mặt bằng chung của Công ty năm 2022 là 7.86% và yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông

e. Công ty TNHH liên doanh Lào Việt:

Cuối năm 2022 Công ty có vốn góp 13.2 tỷ tương ứng 30% vốn góp của POSTEF

Phần III. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD điều hành và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.

- Hội đồng quản trị Công ty tổ chức họp thường kỳ các cuộc họp có sự tham gia đầy đủ của đại diện BKS, Ban TGD. Các nghị quyết quyết nghị của HĐQT được thực hiện triển khai một cách nghiêm túc kịp thời

- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định, nghị quyết của HĐQT, Ban điều hành nhận được sự tạo điều kiện thuận lợi của các phòng ban công ty, các chi nhánh nhà máy về việc cung cấp tài liệu phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ của BKS

- Các thông tin về tình hình hoạt động SXKD tình hình tài chính tình hình quản trị Công ty được công bố theo đúng quy định và được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử Công ty

Phần IV: Đề xuất và kiến nghị của BKS

1. Về quản trị tài chính

1.1 Tăng cường quản trị hàng tồn kho và công nợ phải thu của Công ty để giảm chi phí vốn và đảm bảo tính thanh khoản của Công ty

1.2 Công ty cần có biện pháp cụ thể giảm chi phí giá vốn hàng, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (các chi phí tiếp khách, chi phí lễ tân khánh tiết...) tăng hiệu quả kinh doanh của Công ty

1.3 Vốn vay của Công ty đang ở mức tăng cao (số dư nợ vay đầu năm 640,8 tỷ số cuối năm 2022 là 786,4 tỷ đã tăng 145,6 tỷ) vì vậy đề nghị HĐQT, ban điều hành có phương án, giải pháp đảm bảo khả năng an toàn về vốn và tính thanh khoản trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

1.4 Ban điều hành cần xem xét chính sách phân bổ các chi phí quản lý và chi phí lãi vay cho phù hợp trong giai đoạn hiện nay để đảm bảo kích lệ việc sử dụng vốn đúng và đủ cho các nhà máy chi nhánh và các Công ty con.

2. Về quản trị nguồn nhân lực và chế độ tiền lương:

2.1 Công ty có chính sách và môi trường, giảm thiểu thất thoát nguồn nhân lực đã có thời gian làm việc, đào tạo thực tế tại Công ty.

2.2 Xem xét chế độ, chính sách trả lương để thu hút nguồn lực lao động mới: người lao động có tay nghề, trình độ kỹ thuật và quản lý để bổ sung và đáp ứng cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

3. Quản trị chung

3.1 Đề nghị HĐQT, ban điều hành kiểm tra và rà soát lại điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của Công ty cho phù hợp với luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được quốc hội thông qua 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn

3.2 Căn cứ nghị định 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ ban hành 22/01/2019 đề nghị HĐQT và ban điều hành xem xét triển khai để tuân thủ theo quy định của pháp luật

3.3 Với các Công ty con có vốn góp 100% của POSTEF đề nghị đại diện vốn có cơ chế và chính sách cụ thể để nâng cao hiệu quả kinh doanh trong kỳ đảm bảo lợi ích cho cổ đông Công

3.4 Công ty TNHH liên doanh Lào Việt đại diện vốn có phương án và giải pháp để đảm bảo an toàn vốn góp của các bên tham gia

Phần V: Kế hoạch hoạt động 2023 của Ban kiểm soát

Với chức năng và quyền hạn đã được quy định Ban kiểm soát thay mặt cổ đông thực hiện kiểm tra giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty.

Trong năm 2023 Ban Kiểm soát sẽ thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên và định kỳ vào các mặt công tác sau:

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nội dung khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua
- Kiểm tra việc ban hành và thực thi các nghị quyết, quyết nghị của HĐQT và ban TGD trong công tác quản lý điều hành Công ty
- Rà soát, kiến nghị với HĐQT, ban TGD Công ty sửa đổi bổ sung các quy chế quy định nội bộ đã ban hành hoàn chỉnh theo các quy định mới của pháp luật, điều lệ Công ty và tình hình hoạt động thực tiễn
- Thực hiện công tác thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT Công ty trình ĐHĐCĐ thường niên
- Thông qua người đại diện vốn của Công ty tại các Công ty con và công ty liên kết giám sát việc sử dụng vốn góp của Công ty
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan quản lý điều hành hoạt động của ban điều hành nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty
- Trên cơ sở kết quả kiểm tra kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban điều hành để nâng cao hiệu quả công tác quản trị điều hành của toàn Công ty
- Thực hiện các công việc khác theo nhiệm vụ của Ban tuân thủ luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty

Trên đây là nội dung kết quả trong quá trình kiểm tra giám sát hoạt động Công ty trong năm tài chính 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát .

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại Hội .

Chúc sức khỏe Quý đại biểu , Quý cổ đông .

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN

Trần Thị Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BƯU ĐIỆN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện

Địa chỉ: Số 61 Trần Phú, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban điều hành	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 48
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 48

STI
CỔ
HỮU
HẠN
CÔNG
TY
THƯƠNG
MẠI
HÀ
NỘI

Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện

Địa chỉ: Số 61 Trần Phú, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện tiền thân là Nhà máy Thiết bị Bưu điện trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam được chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 46/2004/QĐ-BCVT ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0100686865 ngày 07/06/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 61 Trần Phú, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Hải Vân	Chủ tịch
Ông Lương Tuấn Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Thành viên
Ông Lê Huy Đồng	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Huyền Sơn	Thành viên
Ông Phạm Cảnh Huy	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tiến Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huyền Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh An Huy	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Hòa	Trưởng ban
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Kiểm soát viên
Ông Vũ Hoàng Công	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện

Dịa chỉ: Số 61 Trần Phú, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Trần Hải Văn

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện được lập ngày 15 tháng 02 năm 2023 từ trang 06 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Rhân Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Duy Quảng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 3363-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.223.022.509.076	1.035.326.174.862
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	201.154.626.872	129.086.459.105
111	1. Tiền		194.112.920.745	127.083.996.091
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.041.706.127	2.002.463.014
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.072.900.000	50.072.900.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		72.900.000	72.900.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	50.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		675.029.732.043	578.174.544.755
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	628.869.167.286	516.873.026.229
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	7.034.178.097	25.043.270.024
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	51.938.097.432	49.257.786.274
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(12.811.710.772)	(12.999.537.772)
140	IV. Hàng tồn kho	9	329.118.007.425	259.123.787.555
141	1. Hàng tồn kho		347.106.138.920	277.742.567.958
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(17.988.131.495)	(18.618.780.403)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.647.242.736	18.868.483.447
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	243.293.151	416.228.615
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		16.358.226.922	18.360.576.281
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	45.722.663	91.678.551

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.252.275.418.367	1.277.939.225.854
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		25.087.184.208	25.061.027.747
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	25.087.184.208	25.061.027.747
220	II. Tài sản cố định		336.595.383.896	365.617.334.498
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	106.368.620.611	113.531.454.246
222	- Nguyên giá		301.152.548.584	303.498.158.192
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(194.783.927.973)	(189.966.703.946)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	228.382.997.792	250.286.592.033
225	- Nguyên giá		251.579.017.761	258.676.014.163
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.196.019.969)	(8.389.422.130)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	1.843.765.493	1.799.288.219
228	- Nguyên giá		2.378.782.000	2.378.782.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(535.016.507)	(579.493.781)
230	III. Bất động sản đầu tư		2.164.896.682	-
231	- Nguyên giá		2.355.197.659	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(190.300.977)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		816.657.232.146	811.466.322.209
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	816.657.232.146	811.466.322.209
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	13.578.888.541	13.578.888.541
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		13.578.888.541	13.578.888.541
260	VI. Tài sản dài hạn khác		58.191.832.894	62.215.652.859
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	58.191.832.894	62.215.652.859
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.475.297.927.443	2.313.265.400.716

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.144.955.667.248	1.985.097.387.549
310	I. Nợ ngắn hạn		1.170.454.428.408	980.939.810.679
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	385.174.756.445	359.112.145.955
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	6.822.610.675	3.962.922.894
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	3.357.425.930	4.656.495.301
314	4. Phải trả người lao động		6.351.738.649	8.745.551.531
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	20.356.951.592	23.614.445.730
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	158.371.668	60.850.642
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	6.203.393.916	9.840.930.274
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	716.617.937.649	541.691.178.376
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	23.958.491.886	26.338.392.286
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.452.749.998	2.916.897.690
330	II. Nợ dài hạn		974.501.238.840	1.004.157.576.870
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	853.463.044.995	846.959.609.995
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	69.871.840.722	99.134.049.026
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	21	51.166.353.123	58.063.917.849
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		330.342.260.195	328.168.013.167
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	330.342.260.195	328.168.013.167
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		194.300.060.000	194.300.060.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		194.300.060.000	194.300.060.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45.934.846.208	45.934.846.208
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		7.141.422.139	7.141.422.139
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		36.041.305.736	36.041.305.736
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		46.924.626.112	44.750.379.084
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		31.653.821.620	31.470.922.684
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		15.270.804.492	13.279.456.400
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.475.297.927.443	2.313.265.400.716

Võ Minh Huệ

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023


Ma Thị Nghiệm


Kế toán trưởng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	1.481.436.483.495	1.126.735.747.740
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	244.406.000	1.744.128.265
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.481.192.077.495	1.124.991.619.475
11	4. Giá vốn hàng bán	27	1.317.699.783.951	981.589.947.443
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		163.492.293.544	143.401.672.032
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	1.918.020.040	2.059.151.968
22	7. Chi phí tài chính	29	48.718.647.780	33.178.484.351
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		41.704.228.386	32.899.342.371
25	9. Chi phí bán hàng	30	24.690.692.957	33.159.484.316
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	72.518.597.527	62.437.540.579
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.482.375.320	16.685.314.754
31	12. Thu nhập khác	32	5.690.988.140	11.411.867.977
32	13. Chi phí khác	33	2.709.431.501	9.672.708.978
40	14. Lợi nhuận khác		2.981.556.639	1.739.158.999
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.463.931.959	18.424.473.753
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	7.193.127.467	5.169.212.218
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		15.270.804.492	13.255.261.535
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		15.270.804.492	13.255.261.535
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	786	682


Võ Minh Huệ
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023


Ma Thị Nghiệm
Kế toán trưởng


Trần Hải Văn
Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		22.463.931.959	18.424.473.753
	2. Điều chỉnh cho các khoản		63.725.117.895	60.699.721.373
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		36.032.785.484	35.752.715.567
03	- Các khoản dự phòng		(10.095.941.034)	(6.809.731.816)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(411.320.614)	56.137.332
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.504.634.327)	(1.198.742.081)
06	- Chi phí lãi vay		41.704.228.386	32.899.342.371
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		86.189.049.854	79.124.195.126
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(92.699.490.179)	(50.897.741.830)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(69.363.570.962)	(69.990.950.664)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		18.001.651.617	67.875.454.217
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.999.314.140	(11.852.696.638)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(40.463.453.699)	(31.907.072.038)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.339.016.879)	(3.032.509.026)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	18.256.035.500
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.115.200.000)	(7.058.068.853)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(103.790.716.108)	(9.483.354.206)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(12.180.811.965)	(1.637.829.771)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.383.120.353	122.078.739
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(50.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		49.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.203.778.324	1.076.663.342
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		40.406.086.712	(50.439.087.690)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.099.542.066.767	1.049.436.568.420
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(924.497.014.101)	(1.035.610.314.147)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(29.380.501.697)	(3.545.412.258)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.211.753.806)	(9.695.766.450)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		135.452.797.163	585.075.565

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		72.068.167.767	(59.337.366.331)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		129.086.459.105	188.423.825.436
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	201.154.626.872	129.086.459.105

Võ Minh Huệ
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Ma Thị Nghiệm
Kế toán trưởng



Trần Hải Văn
Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện tiền thân là Nhà máy Thiết bị Bưu điện trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam được chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 46/2004/QĐ-BCVT ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0100686865 ngày 07/06/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 61 Trần Phú, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 194.400.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tư tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn); tương đương 19.440.000 cổ phần.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2022 là 194.300.060.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi tư tỷ ba trăm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), tương đương 19.430.006 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 310 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 358 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh thiết bị bưu chính viễn thông.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện tử, tin học;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Cung cấp dịch vụ: Xây lắp, tư vấn, kỹ thuật trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ các hợp đồng thực hiện cho Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), đầu tư cơ sở hạ tầng viễn thông tại các địa bàn, tập trung chủ yếu là trong các tỉnh phía Nam. Do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19 tại các tỉnh phía nam năm 2021 rất nặng nề và chịu ảnh hưởng của thực hiện giãn cách xã hội dẫn tới việc thực hiện các gói thầu đã bị trì hoãn lại. Trong năm 2022, dịch bệnh được kiểm soát tốt, Công ty đẩy mạnh việc thực hiện và nghiệm thu các hợp đồng. Ngoài ra Công ty cũng tập trung phát triển các khách hàng ngoài tập đoàn và bán các sản phẩm thương mại như ắc quy, cáp quang,... Những nguyên nhân trên khiến cho doanh thu tăng mạnh hơn 356 tỷ đồng tương ứng 31,66% so với cùng kì năm trước.

Dự án đầu tư xây dựng công trình đa chức năng POSTEF của Công ty tại 61 Trần Phú hiện đã nhận được phân hồi của Sở Quy hoạch – Kiến trúc về việc Công ty chủ động liên hệ, phối hợp với Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Sở Quy hoạch – Kiến trúc để cùng nghiên cứu, tổ chức thi tuyển lựa chọn phương án kiến trúc đóng góp cho không gian kiến trúc, cảnh quan của khu Trung tâm chính trị Ba Đình và dự án đầu tư xây dựng tổ hợp đa chức năng tại 63

Nguyễn Huy Tường đang được tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý và đầu tư để chuẩn bị cho việc chuyển nhượng Dự án theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ nguồn Postef	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất hệ thống nguồn, thiết bị bưu chính
2. Công ty TNHH MTV Postef Ba Đình	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất cung cấp các thiết bị, dịch vụ liên quan đến lĩnh vực bưu chính, viễn thông.
3. Công ty TNHH MTV Postef Đà Nẵng	Đà Nẵng	100%	100%	Sản xuất cung cấp các thiết bị, dịch vụ liên quan đến lĩnh vực bưu chính, viễn thông.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên doanh sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên doanh sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên doanh được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Cổ tức nhận được từ công ty liên doanh được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

- Quyền sử dụng đất lâu dài

Không khấu hao

2.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính của Nhà cửa, vật kiến trúc là 15 năm.

2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Công ty thực hiện các hợp đồng hợp tác kinh doanh sau:

a) Đối với Hợp đồng hợp tác đầu tư số 156/HĐ ĐT/Postef-SonghongICT ngày 24/04/2012 Xây dựng tổ hợp đa chức năng tại số 63 Nguyễn Huy Tường, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội ký với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Sông Hồng, hai bên thống nhất để Công ty CP Đầu tư Thương mại Sông Hồng đứng ra mở tài khoản ngân hàng, hạch toán và quyết toán chi phí dự án. Công ty chỉ hạch toán các chi phí tiền thuê đất hàng năm (phát sinh từ 01/01/2012 đến nay) theo thông báo của cơ quan thuế mà Công ty trả hộ liên doanh và ghi nhận là nợ phải thu đối với dự án, được phản ánh trên khoản mục "Phải thu khác". Lợi nhuận được phân chia theo tỷ lệ vốn góp giữa hai bên.

b) Đối với Hợp đồng hợp tác đầu tư số 40/2011/HĐHTĐT/POT-LV-HL ngày 28/12/2011 Xây dựng công trình đa chức năng POSTEF tại 61 Trần Phú ký với liên danh Công ty CP Liên Việt Holdings và Công ty CP Him Lam, các bên thống nhất để Công ty là chủ đầu tư Dự án và đứng ra mở tài khoản ngân hàng, hạch toán chi phí dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và trong giai đoạn xây dựng hoàn thành. Chi phí dự án được ghi nhận theo thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến dự án và trong phạm vi hợp đồng hợp tác. Các khoản chi phí này được thanh toán bởi Liên danh và được phản ánh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" và "Nợ phải trả khác". Lợi nhuận được phân chia theo tỷ lệ vốn góp giữa các bên.

2.14. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất gắn với hạ tầng trả trước mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước tiền thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ vào chi phí trong năm tài chính theo thời hạn thuê.
- Chi phí dự án cho thuê thiết bị Hệ thống Camera, máy móc thiết bị vận hành và các phần mềm liên quan được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng là 36 tháng.

2.15. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí vận chuyển, chi phí đi đời nhà máy, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa được trích cho các sản phẩm hàng hóa theo thời gian và cam kết bảo hành trong từng hợp đồng. Tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành được xác định theo tỷ lệ giá trị bảo hành nếu hợp đồng có quy định hoặc đánh giá của Công ty về khả năng bảo hành nếu hợp đồng không quy định tỷ lệ bảo hành cụ thể.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2.20. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.21. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.22. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.24. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.25. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.28. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29. Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các loại thiết bị bưu chính, viễn thông, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Đồng thời, hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.220.595.311	1.115.068.130
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	192.892.325.434	125.968.927.961
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	7.041.706.127	2.002.463.014
	<u>201.154.626.872</u>	<u>129.086.459.105</u>

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với tổng giá trị là 7.041.706.127 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng với lãi suất từ 2,9%/năm đến 3%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	-	50.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	1.000.000.000	-	50.000.000.000	-
	1.000.000.000	-	50.000.000.000	-

- ⁽¹⁾ Tại ngày 31/12/2022, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng có tổng giá trị 1.000.000.000 VND gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Từ Sơn với lãi suất là 5,1%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	Mã chứng khoán	31/12/2022			01/01/2022		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu							
- Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	PTI	72.900.000	139.720.000	-	72.900.000	165.200.000	-
		72.900.000	139.720.000	-	72.900.000	165.200.000	-

Giá trị hợp lý của cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI) được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên sàn HNX tại ngày 31/12/2021 và 30/12/2022 lần lượt là 59.000 và 49.900 VND/cổ phiếu.

c) Đầu tư vào công ty liên doanh

	Địa chỉ	31/12/2022			01/01/2022		
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			VND	VND		VND	VND
- Công ty TNHH Liên doanh Lào - Việt	Cộng Hòa Dân chủ Nhân dân Lào	30,00%	30,00%	13.578.888.541	30,00%	30,00%	13.578.888.541
		30,00%	30,00%	13.578.888.541	30,00%	30,00%	13.578.888.541

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	344.901.127.173	-	218.795.611.473	-
- Tổng Công ty Hạ tầng Mạng	63.339.159.674	-	53.138.063.303	-
- Trung tâm cung ứng vật tư - Viễn thông TP. Hồ Chí Minh	10.217.429.926	-	34.072.528.242	-
- Viễn thông Đồng Nai - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	11.282.297.580	-	3.803.507.862	-
- Viễn thông Bình Dương - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	15.838.595.112	-	13.020.579.520	-
- Viễn thông Tiền Giang - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	7.976.780.011	-	10.109.393.157	-
- Phải thu các Viễn thông tỉnh thành phố đơn vị thuộc tập đoàn	236.246.864.870	-	104.651.539.389	-
Bên khác	283.968.040.113	(6.707.085.022)	298.077.414.756	(6.892.343.389)
- Công ty TNHH MTV Thông tin M3	13.451.029.308	-	54.516.710.082	-
- Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Nam - Chi nhánh Tổng công ty Viễn Thông MobiFone	62.050.221.908	-	36.249.826.800	-
- Công ty TNHH Truyền hình cáp SAIGONTOURIST	4.414.408.053	-	13.113.481.459	-
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội	19.013.119.048	-	21.750.134.718	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Bách Diễm	15.712.230.600	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	169.327.031.196	(6.707.085.022)	172.447.261.697	(6.892.343.389)
	628.869.167.286	(6.707.085.022)	516.873.026.229	(6.892.343.389)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác				
- Công ty TNHH Tiếp vận Mercury Việt	-	-	5.255.000.000	-
- HUIZHOU WISDOM POWER TECHNOLOGY CO.,LTD	-	-	4.021.009.200	-
- Công ty Cổ phần Dầu tự EA Việt Nam	-	-	5.072.911.435	-
- Các đối tượng khác	7.034.178.097	(148.496.000)	10.694.349.389	(43.944.000)
	<u>7.034.178.097</u>	<u>(148.496.000)</u>	<u>25.043.270.024</u>	<u>(43.944.000)</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	2.257.101.489	-	151.853.735	-
Tạm ứng	3.058.679.384	-	2.251.562.513	-
Phải thu khác	46.622.316.559	(5.956.129.750)	46.854.370.026	(6.063.250.383)
- Công ty TNHH Liên doanh Lào - Việt	5.747.555.621	(5.747.555.621)	5.747.555.621	(5.747.555.621)
- Giá trị thuế GTGT đầu vào của hoạt động thuê tài chính	8.821.137.100	-	11.422.630.012	-
- Tiền thuê đất tại 63 Nguyễn Huy Tưởng ⁽¹⁾	30.692.788.591	-	28.366.191.576	-
- Phải thu khác	1.360.835.247	(208.574.129)	1.317.992.817	(315.694.762)
	51.938.097.432	(5.956.129.750)	49.257.786.274	(6.063.250.383)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan				
- Công ty TNHH Liên doanh Lào - Việt	5.747.555.621	(5.747.555.621)	5.747.555.621	(5.747.555.621)
Bên khác	46.190.541.811	(208.574.129)	43.510.230.653	(315.694.762)
- Phải thu liên danh thực hiện dự án 63 Nguyễn Huy Tưởng ⁽¹⁾	30.692.788.591	-	28.366.191.576	-
- Các khách hàng khác	15.497.753.220	(208.574.129)	15.144.039.077	(315.694.762)
	51.938.097.432	(5.956.129.750)	49.257.786.274	(6.063.250.383)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ ⁽²⁾	25.087.184.208	-	25.061.027.747	-
	25.087.184.208	-	25.061.027.747	-

⁽¹⁾ Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 156/HĐ ĐT/Postef-Songhong ICT ngày 24/04/2012 giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Sông Hồng và Biên bản làm việc giữa các bên liên doanh thì tiền thuê đất phải nộp cho Nhà nước kể từ ngày 01/01/2012 tại khu đất 63 Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội sẽ do Liên doanh chi trả và ghi nhận vào chi phí dự án (chi tiết xem tại thuyết minh số 38).

⁽²⁾ Trong đó, bao gồm số tiền 24.717.000.000 VND - tiền ký quỹ vào tài khoản của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long mà Công ty đã nộp trong năm 2018 để đảm bảo thực hiện Dự án công trình đa chức năng POSTEF tại số 61 Trần Phú theo Công văn số 401/KH&ĐT-NNS ngày 18/01/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Miện	442.126.260	-	592.126.260	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VITEKCO	758.734.000	-	758.734.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	738.544.400	-	738.544.400	-
Công ty TNHH Liên doanh Lào - Việt	5.747.555.621	-	5.747.555.621	-
Các đối tượng nợ phải thu khác	5.328.716.936	203.966.445	5.366.543.936	203.966.445
	13.015.677.217	203.966.445	13.203.504.217	203.966.445

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	99.605.067.537	(4.528.650.154)	96.555.113.090	(7.986.849.777)
Công cụ, dụng cụ	952.591.321	-	709.686.754	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.663.487.090	-	970.762.389	-
Thành phẩm	102.296.240.608	(5.589.312.434)	50.045.271.781	(4.642.665.340)
Hàng hoá	139.552.810.487	(7.870.168.907)	122.127.709.468	(5.989.265.286)
Hàng gửi đi bán	2.035.941.877	-	2.349.852.320	-
	347.106.138.920	(17.988.131.495)	277.742.567.958	(18.618.780.403)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	140.928.668	318.785.537
- Các khoản khác	102.364.483	97.443.078
	243.293.151	416.228.615
b) Dài hạn		
- Chi phí trả trước về thuê đất tại VSIP Bắc Ninh ⁽¹⁾	41.709.736.421	42.907.145.129
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng tại KCN Lê Minh Xuân, thành phố Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	4.747.449.468	4.935.175.892
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng tại KCN Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng ⁽¹⁾	723.941.128	755.766.300
- Chi phí dự án cho thuê thiết bị ⁽²⁾	6.767.563.000	12.206.071.667
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.575.702.757	550.534.978
- Các khoản khác	1.667.440.120	860.958.893
	58.191.832.894	62.215.652.859

⁽¹⁾ Thông tin về chi phí trả trước tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng của Công ty tại các khu công nghiệp như sau:

- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh với chi phí thuê là 53.983 triệu đồng, phân bổ trong thời gian thuê là 541 tháng; đến ngày 31/12/2022 đã phân bổ được 123 tháng;
- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Lê Minh Xuân I với chi phí thuê là 2.283 triệu đồng, phân bổ trong thời gian thuê là 564 tháng; đến ngày 31/12/2022 đã phân bổ được 258 tháng;
- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Lê Minh Xuân II với chi phí thuê là 6.401 triệu đồng, phân bổ trong thời gian thuê là 552 tháng; đến ngày 31/12/2022 đã phân bổ được 249 tháng;
- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Liên Chiểu với chi phí thuê là 1.081 triệu đồng, phân bổ trong thời gian thuê là 408 tháng; đến ngày 31/12/2022 đã phân bổ được 135 tháng.

⁽²⁾ Trong năm 2021, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng 436-2021/HĐĐV-VNPT TGG-POSTEF với Viễn thông Tiền Giang về việc cho thuê thiết bị, dịch vụ là Hệ thống Camera, máy móc thiết bị vận hành và các phần mềm liên quan. Giá trị của Hệ thống được Công ty tập hợp và phân bổ trong thời hạn là 36 tháng.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	79.765.862.107	204.112.610.302	17.412.371.496	2.207.314.287	303.498.158.192
- Mua trong kỳ	-	2.223.474.000	4.921.840.000	-	7.145.314.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.915.240.625	-	-	-	3.915.240.625
- Tăng do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	7.096.996.402	-	-	7.096.996.402
- Thanh lý, nhượng bán	(145.803.805)	(9.601.072.649)	(3.678.033.546)	-	(13.424.910.000)
- Chuyển sang BDS đầu tư	(2.355.197.659)	-	-	-	(2.355.197.659)
- Giảm do điều chỉnh theo quyết toán	(632.901.819)	(4.090.151.157)	-	-	(4.723.052.976)
Số dư cuối kỳ	80.547.199.449	199.741.856.898	18.656.177.950	2.207.314.287	301.152.548.584
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	40.275.877.452	134.052.598.130	13.463.479.617	2.174.748.747	189.966.703.946
- Khấu hao trong kỳ	4.069.270.142	9.604.871.760	1.573.252.960	32.565.540	16.133.667.882
- Tăng do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	3.560.076.133	-	-	3.560.076.133
- Tăng do phân loại lại	-	-	81.477.270	-	81.477.270
- Thanh lý, nhượng bán	(63.539.455)	(9.601.072.649)	(3.678.033.546)	-	(13.342.645.650)
- Chuyển sang BDS đầu tư	(111.817.647)	-	-	-	(111.817.647)
- Giảm do điều chỉnh theo quyết toán	-	(1.503.533.961)	-	-	(1.503.533.961)
Số dư cuối kỳ	44.169.790.492	136.112.939.413	11.440.176.301	2.207.314.287	194.783.927.973
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	39.489.984.655	70.060.012.172	3.948.891.879	32.565.540	113.531.454.246
Tại ngày cuối kỳ	36.377.408.957	63.628.917.485	7.216.001.649	-	106.368.620.611

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 14.830.764.788 VND;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 101.997.116.766 VND.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	258.676.014.163	258.676.014.163
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(7.096.996.402)	(7.096.996.402)
Số dư cuối kỳ	251.579.017.761	251.579.017.761
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	8.389.422.130	8.389.422.130
- Khấu hao trong kỳ	18.366.673.972	18.366.673.972
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(3.560.076.133)	(3.560.076.133)
Số dư cuối kỳ	23.196.019.969	23.196.019.969
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	250.286.592.033	250.286.592.033
Tại ngày cuối kỳ	228.382.997.792	228.382.997.792

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (i)	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.782.373.000	596.409.000	2.378.782.000
Số dư cuối kỳ	1.782.373.000	596.409.000	2.378.782.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	579.493.781	579.493.781
- Khấu hao trong kỳ	-	36.999.996	36.999.996
- Giảm do phân loại lại	-	(81.477.270)	(81.477.270)
Số dư cuối kỳ	-	535.016.507	535.016.507
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	1.782.373.000	16.915.219	1.799.288.219
Tại ngày cuối kỳ	1.782.373.000	61.392.493	1.843.765.493

(i) Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất lâu dài 123m² tại số 25A Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà số 6826/1998 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/05/1998 và số 9227/98 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/07/1998;
- Quyền sử dụng đất lâu dài tại Lô 6-7AD2, đường 2/9, phường Hòa Cường, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401115034.

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay (chi tiết tại Thuyết minh số 24).



14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án đầu tư xây dựng công trình đa chức năng POSTEF tại 61 Trần Phú, quận Ba Đình ⁽¹⁾	812.858.767.720	808.160.259.783
- Hạng mục xây dựng, lắp đặt khuôn chế tạo Accu ⁽²⁾	1.049.752.290	1.049.752.290
- Dự án Tổ hợp 63 Nguyễn Huy Tường, Quận Thanh Xuân ⁽³⁾	207.006.136	207.006.136
- Công trình khác	2.541.706.000	2.049.304.000
	816.657.232.146	811.466.322.209

⁽¹⁾ Dự án đầu tư xây dựng công trình đa chức năng POSTEF tại 61 Trần Phú, quận Ba Đình được triển khai từ năm 2012 với các chi phí đã tập hợp cho dự án chủ yếu bao gồm: 640,320 tỷ VND tiền thuê đất trả tiền một lần cho diện tích 7.523 m² theo Thông báo 19289/CCT-TB&TK ngày 27/9/2018 và 4,834 tỷ VND tiền thuê đất trả hàng năm cho diện tích đất 1.555 m² nằm trong chỉ giới mở đường Công ty đang sử dụng theo các thông báo nộp tiền thuê đất hàng kỳ của Chi cục thuế quận Ba Đình và các chi phí khác (các thông tin khác về Dự án xem Thuyết minh số 38).

⁽²⁾ Hạng mục xây dựng, lắp đặt khuôn chế tạo accu theo công nghệ mới do Công ty đầu tư tại Nhà máy 123, Tổ hợp công nghiệp POSTEF tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh - Số 12, đường 15 VSIP Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, với tổng mức đầu tư là 1,2 tỷ đồng. Hạng mục này dự kiến sẽ hoàn thành vào quý 2/2021 nhưng do ảnh hưởng của dịch bệnh, đến thời điểm 30/06/2022, dự án đang triển khai việc lắp đặt khuôn.

⁽³⁾ Dự án đầu tư xây dựng tổ hợp đa chức năng tại 63 Nguyễn Huy Tường, quận Thanh Xuân: là các chi phí ban đầu chuẩn bị đầu tư của dự án. Các chi phí này sẽ được quyết toán với đối tác khi hoàn thành dự án. Các thông tin khác về dự án xem chi tiết tại thuyết minh số 38).

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
- Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	4.414.408.053	-
- Công ty CP Hạ tầng viễn thông CMC	-	1.694.852.916
- Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan	-	1.793.000.000
- Người mua trả trước khác	2.408.202.622	475.069.978
	6.822.610.675	3.962.922.894

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	5.006.136.141	3.765.361.454
- Chi phí đi dờ Nhà máy tại 63 Nguyễn Huy Tường	2.960.841.818	2.960.841.818
- Chi phí đi dờ văn phòng tại 61 Trần Phú	-	100.000.000
- Trích trước chi phí phạt chậm tiến độ giao hàng ⁽¹⁾	8.999.295.430	11.119.332.703
- Chi phí phải trả khác	3.390.678.203	5.668.909.755
	20.356.951.592	23.614.445.730

⁽¹⁾ Là khoản chi phí phạt hợp đồng số 042018-HĐ/VNPT Net/POSTEF-PDE Công ty trích trước theo giá trị tạm tính trên Biên bản phạt hợp đồng với khách hàng là Tổng công ty Hạ tầng mạng.

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	158.371.668	60.850.642
	<u>158.371.668</u>	<u>60.850.642</u>

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Amphenol Omnicconnect India PVT., Ltd	6.249.153.595	6.249.153.595	6.063.496.060	6.063.496.060
- Công ty TNHH ZTE HK	44.333.391.486	44.333.391.486	33.506.415.187	33.506.415.187
- Công ty cổ phần Công nghệ VISION	134.818.889.170	134.818.889.170	46.514.880.200	46.514.880.200
- Công ty CP Công nghệ HTSV Việt Nam	-	-	9.371.670.000	9.371.670.000
- Công ty CP Phân phối Công nghệ Quang Dũng	-	-	15.480.529.505	15.480.529.505
- Công ty TNHH Phát Triển Công nghệ và Thiết bị kỹ thuật	-	-	13.889.568.000	13.889.568.000
- Công ty TNHH Le Long Việt Nam	23.390.742.297	23.390.742.297	295.312.501	295.312.501
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Thăng Long	29.338.391.380	29.338.391.380	-	-
- Công ty TNHH Một thành viên Thông tin M3	-	-	18.341.828.284	18.341.828.284
- Phải trả cho các đối tượng khác	147.044.188.517	147.044.188.517	215.648.446.218	215.648.446.218
	385.174.756.445	385.174.756.445	359.112.145.955	359.112.145.955

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.310.769.574	69.996.328.843	71.053.908.238	-	253.190.179
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	232.397.765	232.397.765	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.366.410	3.114.707.748	7.193.127.467	7.339.016.879	-	2.946.451.926
Thuế thu nhập cá nhân	19.591.041	133.495.295	504.234.400	522.000.221	45.722.663	141.861.096
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	3.492.450.441	3.492.450.441	-	-
Các loại thuế khác	49.721.100	75.627.670	124.899.000	150.805.570	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	21.895.014	637.533.369	643.505.654	-	15.922.729
	91.678.551	4.656.495.301	82.180.971.285	83.434.084.768	45.722.663	3.357.425.930

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	224.628.107	209.980.585
Bảo hiểm xã hội	27.202.986	13.799.302
Bảo hiểm y tế	-	1.345.789
Bảo hiểm thất nghiệp	159.432.088	81.631.357
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.792.130.735	9.534.173.241
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	124.188.635	115.759.285
- Vật tư, thành phẩm tạm nhập kho	1.062.445.318	-
- Tiền nhận hỗ trợ di dời nhà máy tại Thị trấn Lim ⁽¹⁾	210.162.517	3.304.246.691
- Tiền nhận hỗ trợ sắp xếp lao động và ngừng sản xuất nhà máy tại Thị trấn Lim ⁽¹⁾	3.468.612.474	4.237.235.878
- Phải trả các đối tượng khác	926.721.791	1.876.931.387
	6.203.393.916	9.840.930.274
b) Dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
- Phải trả Công ty CP Liên Việt Holdings ⁽²⁾	853.393.044.995	846.933.044.995
	853.463.044.995	846.959.609.995

⁽¹⁾ Trong năm 2021, Công ty nhận được khoản tiền hỗ trợ của UBND huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh theo quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng Đài tưởng niệm anh hùng liệt sĩ huyện Tiên Du. Tổng mức bồi thường là 18.256.035.767 VND, trong đó giá trị bồi thường các tài sản gắn liền với đất và các máy móc không di dời được là 10.714.553.198 VND đã được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm 2021. Giá trị còn lại bao gồm Chi phí hỗ trợ di dời (3.304.246.691 VND), Chi phí hỗ trợ nhân viên và ngừng sản xuất (4.237.235.878 VND). Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chi trả một số chi phí di dời và hỗ trợ lao động, hỗ trợ ngừng sản xuất. Số tiền còn lại dự kiến sẽ được Công ty quyết toán khi hoàn thành toàn bộ công việc di dời và hỗ trợ lao động nêu trên.

⁽²⁾ Tiền nhận góp vốn của Công ty Cổ phần Liên Việt Holdings cho Dự án Đầu tư xây dựng Công trình đa chức năng Postef tại 61 Trần Phú, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (xem chi tiết tại thuyết minh số 38).

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	23.958.491.886	26.338.392.286
	23.958.491.886	26.338.392.286
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	51.166.353.123	58.063.917.849
	51.166.353.123	58.063.917.849

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	510.994.169.615	510.994.169.615	1.089.542.066.767	921.207.430.101	679.328.806.281	679.328.806.281
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	30.697.008.761	30.697.008.761	7.400.706.888	808.584.281	37.289.131.368	37.289.131.368
	541.691.178.376	541.691.178.376	1.096.942.773.655	922.016.014.382	716.617.937.649	716.617.937.649
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn	13.418.048.000	13.418.048.000	-	3.289.584.000	10.128.464.000	10.128.464.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	116.413.009.787	116.413.009.787	10.000.000.000	29.380.501.697	97.032.508.090	97.032.508.090
	129.831.057.787	129.831.057.787	10.000.000.000	32.670.085.697	107.160.972.090	107.160.972.090
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(30.697.008.761)	(30.697.008.761)	(7.400.706.888)	(808.584.281)	(37.289.131.368)	(37.289.131.368)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	99.134.049.026	99.134.049.026			69.871.840.722	69.871.840.722

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các đối tượng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	VND	Theo từng kỳ ước nhận nợ	Thế chấp bằng tài sản (i)	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh	244.433.042.192	166.038.585.008
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	Theo từng kỳ ước nhận nợ	Thế chấp bằng tài sản (i)	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh	-	27.306.487.625
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	VND	Theo từng kỳ ước nhận nợ	Tín chấp	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh	96.253.340.522	15.023.095.666
- Ngân hàng Bangkok Đại chúng Trách nhiệm hữu hạn - Chi nhánh Hà Nội	VND	Theo từng kỳ ước nhận nợ	Tín chấp	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh	101.693.993.139	100.018.249.550
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	VND	Theo từng kỳ ước nhận nợ	Tín chấp	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh	42.699.988.562	64.167.661.075
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện biên phủ	VND	Theo từng kỳ ước nhận nợ	Thế chấp bằng tài sản ⁽ⁱ⁾	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh	55.939.335.318	-
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Sở Giao dịch	VND	Theo từng kỳ ước nhận nợ	Tín chấp	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh	43.580.405.029	3.418.187.840
- Các đối tượng khác	VND	Theo từng kỳ đồng	Tín chấp	Bổ sung vốn sản xuất kinh doanh	94.728.701.519	135.021.902.851
					679.328.806.281	510.994.169.615

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	31/12/2022	01/01/2022
						VND	VND
Vay dài hạn						10.128.464.000	13.418.048.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây						-	360.000.000
- Hợp đồng 16/17/TDH/ KHDN/VCBHT-TBBD	VND	Theo từng thời kỳ	2022	Thế chấp ⁽ⁱ⁾	Tài trợ mua sắm tài sản cố định	-	260.000.000
- Hợp đồng số 103/17/TDH/KHDN/VCBHT-	VND	Theo từng thời kỳ	2022	Thế chấp ⁽ⁱ⁾	Tài trợ mua sắm tài sản cố định	-	100.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình						10.128.464.000	13.058.048.000
- Hợp đồng số 263/2018- HDDCVDADDT/NHCT124- POSTEF ngày 11/12/2018	VND	Theo từng thời kỳ	2023	Thế chấp bằng tài sản ⁽ⁱ⁾	Tài trợ mua sắm tài sản cố định	760.464.000	1.590.048.000
- Hợp đồng số 125/2021- HDDCVDADT/NHCT124- POSTEF	VND	Theo từng thời kỳ	2027	Thế chấp bằng tài sản cố định (i)	Tài trợ mua sắm tài sản cố định	5.026.000.000	6.142.000.000
- Hợp đồng số 112/2021- HDDCVDADT/NHCT124- POSTEF	VND	Theo từng thời kỳ	2027	Thế chấp bằng tài sản cố định (i)	Tài trợ mua sắm tài sản cố định	4.342.000.000	5.326.000.000

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	31/12/2022	01/01/2022
					VND	VND
Nợ thuê tài chính dài hạn					97.032.508.090	116.413.009.787
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam					97.032.508.090	116.413.009.787
- Hợp đồng số 111.19.05/CTTC ngày 18/07/2019	VND	Theo từng thời kỳ	2022	Không có tài sản đảm bảo	-	764.079.664
- Hợp đồng số 111.21.06/CTTC ngày 24/06/2021	VND	Theo từng thời kỳ	2025	Không có tài sản đảm bảo	8.135.377.775	11.389.528.883
- Hợp đồng số 111.21.08/CTTC ngày 24/06/2021	VND	Theo từng thời kỳ	2025	Không có tài sản đảm bảo	3.042.429.460	4.259.401.240
- Hợp đồng số 111.21.10/CTTC ngày	VND	Theo từng thời kỳ	2026	Không có tài sản đảm bảo	85.854.700.855	100.000.000.000
					107.160.972.090	129.831.057.787
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(37.289.131.368)	(30.697.008.761)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					69.871.840.722	99.134.049.026

⁽¹⁾ Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng và được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối doái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	194.300.060.000	45.934.846.208	7.141.422.139	36.041.305.736	44.784.878.474	328.202.512.557
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	13.255.261.535	13.255.261.535
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(9.715.003.000)	(9.715.003.000)
Hoàn trích chi trách nhiệm người Đại điện theo pháp luật	-	-	-	-	81.741.240	81.741.240
Hoàn trích quỹ Ban Điều hành Công ty	-	-	-	-	238.800.000	238.800.000
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.612.682.030)	(3.612.682.030)
Trả thù lao của Ban kiểm soát	-	-	-	-	(69.722.400)	(69.722.400)
Trả thù lao của Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(237.089.600)	(237.089.600)
Tặng khác	-	-	-	-	24.194.865	24.194.865
Số dư cuối kỳ trước	194.300.060.000	45.934.846.208	7.141.422.139	36.041.305.736	44.750.379.084	328.168.013.167
Số dư đầu kỳ này	194.300.060.000	45.934.846.208	7.141.422.139	36.041.305.736	44.750.379.084	328.168.013.167
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	15.270.804.492	15.270.804.492
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(10.220.183.156)	(10.220.183.156)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.651.052.308)	(2.651.052.308)
Trả thù lao của Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(225.322.000)	(225.322.000)
Số dư cuối kỳ này	194.300.060.000	45.934.846.208	7.141.422.139	36.041.305.736	46.924.626.112	330.342.260.195

Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 23/NQ-ĐHĐCĐ TN2022 ngày 12/03/2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế Báo cáo hợp nhất		13.255.261.535
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20,00%	2.651.052.308
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	1,70%	225.322.000
Chi trả cổ tức	77,10%	10.220.183.156
<i>(tương ứng mỗi cổ phần nhận 526 đồng/cổ phần)</i>		
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	1,20%	158.704.071

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	97.142.000.000	49,996%	97.142.000.000	49,996%
- Dương Trung Lợi	23.817.720.000	12,258%	-	0,000%
- Nguyễn Thị Bích Hồng	-	0,000%	14.994.520.000	7,717%
- Phạm Thị Thanh Hồng	-	0,000%	8.823.200.000	4,541%
- Công ty CP Chứng khoán Liên Việt	22.000.000.000	11,323%	22.000.000.000	11,323%
- Các cổ đông khác	51.340.340.000	26,423%	51.340.340.000	26,423%
Cộng	194.300.060.000	100%	194.300.060.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	194.300.060.000	194.300.060.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>194.300.060.000</i>	<i>194.300.060.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>194.300.060.000</i>	<i>194.300.060.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>115.759.285</i>	<i>115.759.285</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>10.220.183.156</i>	<i>9.715.003.000</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>10.220.183.156</i>	<i>9.715.003.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>10.211.753.806</i>	<i>9.695.766.450</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>10.211.753.806</i>	<i>9.695.766.450</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm</i>	124.188.635	134.995.835

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.430.006	19.430.006
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	19.430.006	19.430.006
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.430.006</i>	<i>19.430.006</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.430.006	19.430.006
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.430.006</i>	<i>19.430.006</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	36.041.305.736	36.041.305.736
	36.041.305.736	36.041.305.736

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê cơ sở hạ tầng tại các khu công nghiệp và xe ô tô theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.466.616.174	1.466.616.174
- Từ 1 năm đến 5 năm	5.866.464.697	5.866.464.697
- Trên 5 năm	41.375.924.908	42.792.885.212

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng thuê đất tại số 61 Trần Phú, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích thực hiện dự án đầu tư công trình đa chức năng Postef. Thời hạn thuê đất là 50 năm đến ngày 24/06/2067 với tổng diện tích đất thuê là 7.523 m². Theo hợp đồng thuê đất này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất và thuê cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh trong vòng 541 tháng kể từ năm 2012, tại Khu công nghiệp Lê Minh Xuân I trong vòng 564 tháng kể từ năm 2001, tại Khu công nghiệp Lê Minh Xuân II trong vòng 552 tháng kể từ năm 2002 và tại Khu công nghiệp Liên Chiểu trong vòng 408 tháng từ năm 2011 để sử dụng với mục đích xây dựng nhà máy sản xuất. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê.
- Hợp đồng thuê đất tại số 63 Nguyễn Huy Tường, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích thực hiện Dự án tổ hợp đa chức năng. Thời hạn thuê đất là 20 năm từ ngày 01/01/1996 với tổng diện tích đất thuê là 13.000 m². Theo hợp đồng thuê đất này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Đến ngày 30/06/2022, Công ty vẫn đang nộp tiền thuê đất hàng năm vào ngân sách Nhà nước căn cứ vào thông báo nộp tiền thuê đất của Chi cục Thuế quận Thanh Xuân. Theo Quyết định số 119/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ngày 12/01/2022, Công ty được gia hạn thuê đất tại 63 Nguyễn Huy Tường với mục đích sử dụng làm Nhà máy Thiết bị Bưu điện với thời gian gia hạn là 5 năm kể từ ngày ký quyết định này. Đồng thời Công ty cũng đang trong quá trình liên hệ với sở Tài nguyên và môi trường để làm thủ tục lập và ký hợp đồng thuê đất mới.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
USD	107.671,79	114.114,22
EUR	182,75	193,67
LAK	776.032,00	776.032,00

25. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.470.077.806.147	1.119.031.711.493
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.358.677.348	7.704.036.247
	1.481.436.483.495	1.126.735.747.740
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)	625.938.856.498	458.302.150.552

26. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	7.540.000	29.186.465
Hàng bán bị trả lại	236.000.000	42.275.000
Giảm giá hàng bán	866.000	1.672.666.800
	244.406.000	1.744.128.265

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá đã bán	1.309.069.739.407	977.763.098.253
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.356.398.463	5.848.926.730
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(726.353.919)	(2.022.077.540)
	1.317.699.783.951	981.589.947.443

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.203.778.324	1.076.663.342
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ	302.921.102	982.488.626
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ	411.320.614	-
	1.918.020.040	2.059.151.968

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	41.704.228.386	32.899.342.371
Hoàn nhập Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(11.300.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ	6.997.551.220	234.304.648
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ	16.868.174	56.137.332
	48.718.647.780	33.178.484.351

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	430.063.123	3.833.400.594
Chi phí nhân công	13.121.648.659	10.690.541.936
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	115.180.682	410.308.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	516.993.896	508.567.680
Hoàn nhập dự phòng	(12.400.626.885)	(1.218.238.111)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.971.643.933	9.945.537.052
Chi phí khác bằng tiền	7.935.789.549	8.989.366.941
	24.690.692.957	33.159.484.316

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	382.719.516	1.976.415.797
Chi phí nhân công	23.572.633.273	21.972.137.975
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	3.504.175.797	1.645.335.053
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.424.087.388	2.183.264.978
Thuế, phí và lệ phí	451.556.967	948.207.823
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(187.827.000)	(259.642.400)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.325.056.874	12.679.535.539
Chi phí khác bằng tiền	27.046.194.712	21.292.285.814
	72.518.597.527	62.437.540.579

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.300.856.003	122.078.739
Thu nhập từ tiền bồi thường hỗ trợ di dời nhà máy tại Lim ⁽¹⁾	-	10.714.552.931
Tiền phạt vi phạm hợp đồng thu được	2.927.265.924	-
Các khoản khác	462.866.213	575.236.307
	5.690.988.140	11.411.867.977

⁽¹⁾ Là tổng giá trị bồi thường các tài sản gắn liền với đất và các máy móc không di dời được đền bù theo Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND huyện Tiên Du về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng Đài tưởng niệm anh hùng liệt sĩ huyện Tiên Du. (Thuyết minh số 20).

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí đời nhà máy tại Thị trấn Lìm	-	529.203.637
Chi phí khấu hao, phân bổ trong giai đoạn dừng sản xuất	200.072.489	-
Chi phí hạng mục di dời Dự án tại 61 Trần Phú	-	(1.560.335.554)
Phạt vi phạm hành chính	13.618.079	110.000.000
Các khoản bị phạt vi phạm hợp đồng	1.974.574.782	10.409.141.833
Các khoản khác	521.166.151	184.699.062
	2.709.431.501	9.672.708.978

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	6.626.544.007	4.970.818.675
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ nguồn Postef	66.367.839	-
Công ty TNHH Postef Ba Đình	214.472.193	183.124.366
Công ty TNHH Postef Đà Nẵng	285.743.428	15.269.177
	7.193.127.467	5.169.212.218

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	15.270.804.492	13.255.261.535
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.270.804.492	13.255.261.535
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	19.430.006	19.430.006
	786	682

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	596.249.200.144	487.543.553.854
Chi phí nhân công	59.605.300.236	59.941.638.486
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	6.496.207.427	7.199.500.781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.615.825.180	34.335.755.275
Thuế, phí và lệ phí	453.556.967	523.776.493
Hoàn nhập dự phòng	(12.860.158.420)	(1.477.880.511)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.017.711.141	55.943.958.444
Chi phí khác bằng tiền	38.530.899.708	33.180.090.218
	818.108.542.383	677.190.393.040

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Số tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.099.542.066.767	1.049.436.568.420

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Số tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	924.497.014.101	1.035.610.314.147

38. THÔNG TIN KHÁC

a) Dự án đầu tư xây dựng Công trình đa chức năng POSTEF tại 61 Trần Phú, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 40/2011/HĐHTĐT/POT-LVH-HL giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện (POSTEF) và Liên danh giữa Công ty Cổ phần Liên Việt Holdings và Công ty Cổ phần Him Lam về việc hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh Dự án đầu tư xây dựng Công trình đa chức năng POSTEF tại 61 Trần Phú, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn góp của các bên trong Dự án là 1.039,2 tỷ đồng và tổng mức đầu tư là 1.574,531 tỷ đồng. Theo đó, POSTEF thực hiện góp vốn bằng lợi thế quyền sử dụng khu đất tương ứng là 530 tỷ đồng (chiếm 51% tổng giá trị vốn góp), Bên Liên danh góp vốn bằng tiền là 509,2 tỷ đồng (chiếm 49% tổng giá trị vốn góp). Theo điều khoản hợp đồng, Công ty được quyền thuê để sử dụng hoặc cho thuê lại 20% diện tích văn phòng thuộc diện tích sàn sử dụng hoàn thiện. Lợi ích của các bên được hưởng từ phần vốn góp và lợi nhuận của Dự án đem lại sẽ được phân chia trên cơ sở lợi nhuận trước thuế.

Theo Hợp đồng này, Liên danh thực hiện hỗ trợ POSTEF chi phí đi đời cơ sở kinh doanh, chi phí thuê mặt bằng và chi phí ngừng hoạt động kinh doanh trong giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn xây dựng hoàn thành với giá trị khoản gộp là 125 tỷ đồng (chưa bao gồm thuế VAT) và khoản chi phí hỗ trợ này là một phần của khoản vốn góp bằng tiền mà bên Liên danh sẽ thực hiện góp để đầu tư thực hiện Dự án.

Ngày 24/06/2017, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 3841/QĐ-UBND phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, bao gồm một số thông tin như sau:

- Quy mô đầu tư: Tổng diện tích ô đất nghiên cứu khoảng 9.078 m², trong đó: Diện tích lập dự án khoảng 7.523m², diện tích đất trong phạm vi mở đường theo quy hoạch khoảng 1.555 m²; Diện tích đất xây dựng công trình khoảng 3.757 m² (mật độ xây dựng 50%); Diện tích sân đường nội bộ, cây xanh, bãi xe khoảng 3.766 m².
- Tầng cao công trình gồm: 11 tầng nổi và 06 tầng hầm.
- Tổng diện tích sàn tầng nổi khoảng 32.306,6 m², tổng diện tích sàn tầng hầm khoảng 43.023,2 m².
- Chiều cao công trình tính từ cao độ vỉa hè đến đỉnh tum thang khoảng 42,9m.

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện nộp tiền ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án theo Công văn số 401/KH&ĐT-NNS ngày 18/01/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và tiền thuê đất theo Thông báo 19289/CCT-TB&TK ngày 27/9/2018 của Chi cục thuế quận Ba Đình.

Trong năm 2019, Công ty đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho lô đất này với mục đích sử dụng mới.

Dự án đã được chấp thuận thiết kế kỹ thuật phần ngầm theo thông báo số 07/HBXD-QLTK ngày 06/01/2020 của Cục Quản lý Hoạt động Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Ngày 08/12/2020, Công ty đã được cấp Giấy phép xây dựng số 83/GPXD của Sở Xây dựng Hà Nội cho phép xây dựng phần ngầm của dự án.

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Công ty có chủ trương chuyển nhượng toàn bộ dự án này. Tuy nhiên, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 18/NQ-ĐHĐCĐ TN 2021 ngày 08/03/2021 thì Công ty đã tạm dừng chủ trương chuyển nhượng dự án.

- Ngày 25/06/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt dự toán giá trị xây lắp, chi phí tư vấn, quản lý dự án xây lắp phần ngầm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán phần ngầm của Dự án.
- Ngày 11/10/2021, Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thi công xây lắp ngầm.
- Ngày 26/10/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán chi phí xây lắp, chi phí tư vấn và các chi phí liên quan khác giai đoạn thi công xây lắp phần ngầm của Dự án.
- Vào ngày 06/04/2022, Công ty nhận được văn bản số 1009/UBND-ĐT về việc thực hiện chỉ đạo của đồng chí Bí thư Thành ủy, theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao các sở ban ngành của Thành phố tổ chức kiểm tra, rà soát hồ sơ, quy trình, thủ tục triển khai đầu tư Dự án; xác định trách nhiệm của các tổ chức cá nhân có liên quan (nếu có) và báo cáo, đề xuất và dự thảo văn bản đề Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội báo cáo Bí thư Thành ủy về tình hình triển khai, kết quả chỉ đạo của Bí thư Thành ủy. Cũng theo văn bản này, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cũng yêu cầu Công ty tạm dừng phá dỡ, thi công xây dựng và thực hiện đầu tư Dự án.
- Ngày 19/05/2022, Công ty nhận được văn bản số 4571/VP-DT về việc thi tuyển phương án kiến trúc công trình đa năng Postef tại 61 Trần Phú, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chuyển văn bản số 140/POT-ĐTDA ngày 09/05/2022 của Công ty đến các sở: Quy hoạch – Kiến trúc, Kế hoạch và Đầu tư để kiểm tra, tổng hợp báo cáo UBND thành phố.
- Vào ngày 03/06/2022, Sở Quy hoạch – Kiến trúc có văn bản số 2337/QHKT-ND, theo đó Sở này đề nghị Công ty chủ động liên hệ, phối hợp với Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Sở Quy hoạch – Kiến trúc để cùng nghiên cứu, tổ chức thi tuyển lựa chọn phương án kiến trúc đóng góp cho không gian kiến trúc, cảnh quan khu Trung tâm chính trị Ba Đình.
- Hiện tại, Công ty đang tiến hành liên hệ để triển khai các phương án tổ chức thi tuyển như văn bản của sở Quy hoạch – Kiến trúc.

b) Dự án tổ hợp đa chức năng tại số 63 Nguyễn Huy Tường

Ngày 24/04/2012, Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Sông Hồng đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 156/HĐ ĐT/Postef-Songhong ICT ngày 24/04/2012 để thực hiện Dự án tổ hợp đa chức năng tại số 63 Nguyễn Huy Tường. Theo điều khoản hợp đồng, Công ty được quyền nhận ưu tiên phân phối 50% sản phẩm của Dự án theo giá kinh doanh. Lợi ích của các bên được hưởng từ phần vốn góp và lợi nhuận của Dự án đem lại sẽ được thỏa thuận chi tiết bằng phụ lục hợp đồng sau khi hoàn thành dự án.

Theo hợp đồng này, Liên danh thực hiện hỗ trợ POSTEF chi phí đi dời cơ sở kinh doanh và giải phóng mặt bằng với giá trị khoản gọn là 49,5 tỷ đồng (đã bao gồm 10% thuế VAT) và khoản chi phí hỗ trợ này là một phần của khoản vốn góp bằng tiền mà bên Liên danh sẽ thực hiện góp để đầu tư thực hiện Dự án (các chi phí đi dời này đã được các bên liên doanh quyết toán và đã được Công ty ghi nhận vào kết quả kinh doanh các năm trước đây).

Ngày 08/03/2016, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 1087/QĐ-UBND quyết định chủ trương đầu tư dự án, bao gồm một số thông tin như sau:

- Quy mô đầu tư: Tổng diện tích ô đất nghiên cứu khoảng 13.022 m². Trong đó: Diện tích đất dành để làm đường giao thông theo quy hoạch khoảng 279 m²; Diện tích lập dự án khoảng 12.743 m². Diện tích đất xây dựng công trình khoảng 6.291,2 m² (Mật độ xây dựng khoảng 49,4%).
- Tổng diện tích sàn xây dựng công trình khoảng 101.355 m² (chưa bao gồm tầng hầm, tầng kỹ thuật và tum thang).
- Tầng cao công trình (chưa bao gồm tầng hầm, tầng kỹ thuật và tum thang): 05 - 33 tầng.

Đại hội đồng cổ đông Công ty đã chấp thuận chủ trương chuyển nhượng dự án này theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 16/NQ-DHĐCĐTN 2017 ngày 09/03/2017.

Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã thống nhất điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án này theo suất đầu tư của Bộ Xây dựng lên 1.359,656 tỷ đồng (trong đó nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu là 275,248 tỷ đồng, còn lại là vốn vay và vốn huy động hợp pháp khác) để sớm hoàn tất các điều kiện và thủ tục chuyển nhượng toàn bộ dự án này theo chủ trương của Đại hội đồng cổ đông và sau khi có sự phê duyệt từ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

39. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

Tổng Công ty Hạ tầng mạng
Viễn thông tỉnh thành phố đơn vị thuộc tập đoàn

Mối quan hệ

Cùng Tập đoàn (i)
Cùng Tập đoàn (i)

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		625.938.856.498	458.302.150.552
Tổng Công ty Hạ tầng mạng	Cùng Tập đoàn ⁽ⁱ⁾	38.493.275.000	23.107.421.223
Bán hàng cho các Viễn thông tỉnh thành phố đơn vị thuộc tập đoàn	Cùng Tập đoàn ⁽ⁱ⁾	587.445.581.498	435.194.729.329

⁽ⁱ⁾ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam - cổ đông có ảnh hưởng đáng kể của Công ty.


Thù lao, tiền lương (thu nhập) của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:


	Chức vụ	Ghi chú	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Trần Hải Vân	Chủ tịch HĐQT		504.498.724	549.294.478
Lê Huy Đồng	Thành viên HĐQT		329.485.342	383.530.485
Nguyễn Tiến Hùng	Tổng giám đốc, TV HĐQT		341.282.130	384.287.088
Nguyễn Huyền Sơn	Phó Tổng giám đốc, TV HĐQT		367.649.281	-
Lê Thanh Sơn	Phó Tổng giám đốc	Nghỉ hưu ngày 01/05/2021	-	154.459.769
Trịnh An Huy	Phó Tổng giám đốc		284.209.879	308.284.272
Trần Thị Hòa	Trưởng Ban kiểm soát		264.944.079	302.206.981
Ma Thị Nghiệm	Kế toán trưởng		241.600.400	281.579.463
Nguyễn Mạnh Hùng	Kiểm soát viên		255.769.087	195.462.139

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Vũ Minh Huệ
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023


Ma Thị Nghiệm
Kế toán trưởng


Trần Hải Vân
Chủ tịch HĐQT



DỰ THẢO NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BUỒ ĐIỆN

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	THỰC HIỆN
1	09h00	Đón tiếp, kiểm tra tư cách cổ đông tham dự, phát tài liệu cho cổ đông.	Ban Tổ chức
2		Tuyên bố lý do, phát biểu khai mạc ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	Anh Vân
3		Giới thiệu nhân sự tham gia Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông	Anh Vân
		Đại hội biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay.	
4		Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	Chị Hòa
		Đại hội biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay.	
5		Báo cáo Nội dung chương trình họp, Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	Anh Đồng
		Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay.	
6		Đoàn Chủ tịch giới thiệu nhân sự tham gia Ban kiểm phiếu và Tổ kỹ thuật giúp việc Ban kiểm phiếu.	Anh Đồng
		Đại hội biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay.	
7		Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo Hướng dẫn biểu quyết tại Đại hội	Anh Đồng
		Đại hội biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay.	
8		Báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2022; Định hướng 2023	Anh Vân
		Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua bằng phiếu biểu quyết.	
9		Báo cáo Ban kiểm soát	Chị Hòa
		Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua bằng phiếu biểu quyết.	
10		Báo cáo KQ hoạt động SXKD năm 2022; Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán. Kế hoạch SXKD năm 2023; Kế hoạch đầu tư năm 2023; Kế hoạch đề tài sản phẩm mới năm 2023	Anh Tiến Hùng
		Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua bằng phiếu biểu quyết.	
11		Phân phối lợi nhuận năm 2022; Thù lao của HĐQT & BKS năm 2022; Phương án thù lao HĐQT & BKS năm 2023	Anh Tiến Hùng
		Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua bằng phiếu biểu quyết.	

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	THỰC HIỆN
12		Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023	Anh Vân
		Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua bằng phiếu biểu quyết.	
13		Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu các nội dung biểu quyết tại Đại hội.	Anh An Huy
14		Thông qua biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 do Ban thư ký trình bày, chủ tọa lấy biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay	Chủ tọa Ban thư ký
15		Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 do Ban Thư ký trình bày, Chủ tọa lấy biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay	Chủ tọa Ban Thư ký
16	11h00	Tuyên bố bế mạc Đại hội	Anh Vân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ THẢO QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BƯU ĐIỆN

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi áp dụng

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện (gọi tắt là Công ty).

Điều 2: Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

Điều 3: Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Chương II: QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM
CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

A. Điều kiện tham dự

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 02/02/2023) được quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023.

B. Quyền của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của điều lệ và pháp luật liên quan.
2. Được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Ban tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai: toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền của mình.
4. Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Thư mời họp, Giấy uỷ quyền (đối với đại diện cổ đông) nộp cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một Phiếu biểu quyết ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình (bao gồm cả số cổ phần được uỷ quyền (*nếu có*)). Giá trị biểu quyết của phiếu biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu tham gia trực tiếp tại Đại hội.

5. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.
6. Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

C. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội:

1. Tham gia hoặc uỷ quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật liên quan.
2. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
3. Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.
4. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 5: Trách nhiệm của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử và thông qua Đại hội. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nhận giấy tờ cổ đông đến họp; Phát các tài liệu và Phiếu biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Điều 6: Trách nhiệm của Chủ tọa

1. Hội đồng quản trị Công ty đề cử các Ban của Đại hội gồm: Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu và Tổ kỹ thuật giúp việc Ban kiểm phiếu, để Đại hội thông qua.
2. Chủ tịch HĐQT là chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
3. Chủ tọa có trách nhiệm điều khiển Đại hội theo nội dung, chương trình và các thể lệ, quy chế được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
4. Chủ tọa có trách nhiệm hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình họp của Đại hội và các vấn đề liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
5. Chủ tọa có trách nhiệm giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
6. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết.
7. Chủ tọa Đại hội tiến hành các công việc mà họ thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
8. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp hoặc;
 - b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Điều 7: Trách nhiệm của Ban Thư ký

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội vào Biên bản họp Đại hội.
- Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
- Thực hiện các công việc trợ giúp theo yêu cầu của Đoàn chủ tịch.

Điều 8: Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu và Tổ kỹ thuật giúp việc Ban kiểm phiếu

- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Ban Thư ký và thông báo kết quả kiểm phiếu của từng nội dung biểu quyết trước khi bế mạc Đại hội.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn khiếu nại về kết quả biểu quyết (nếu có).

Chương III: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 02/02/2023.

Điều 10: Cách thức tiến hành Đại hội

- Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 sẽ được tổ chức làm một buổi sáng.

Nội dung chính:

- Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch; Ban Thư ký; Ban kiểm tra tư cách cổ đông; Ban kiểm phiếu và Tổ kỹ thuật giúp việc Ban kiểm phiếu.
- Thông qua nội dung, chương trình Đại hội.
- Biểu quyết thông qua các nội dung theo chương trình đã được Đại hội thông qua, do Đoàn chủ tịch trình bày.
- Thông qua Nghị quyết Đại hội.
- Thông qua Biên bản Đại hội

Chương IV: BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

Điều 11: Biểu quyết thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023:

11.1 Nguyên tắc:

a) Tất cả các vấn đề trong chương trình họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và lấy biểu quyết công khai bằng hình thức giơ tay (đối với những vấn đề biểu quyết bằng hình thức giơ tay) và bằng phiếu biểu quyết (đối với những vấn đề biểu quyết bằng phiếu biểu quyết).

b) Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho Cổ đông tại ngày tổ chức Đại hội (kèm theo bộ tài liệu mời tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp 01 (một) bộ phiếu biểu quyết bao gồm 03 phiếu biểu quyết là: “**Đồng ý**” (màu xanh); “**Không đồng ý**” (màu hồng); “**Không có ý kiến**” (màu trắng). Trên phiếu biểu quyết có ghi rõ Mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần được ủy quyền (nếu có)).

c) Căn cứ xác định tổng số cổ phần tham gia biểu quyết của từng nội dung là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

11.2 Cách thức biểu quyết:

a) Cổ đông và/hoặc Đại diện theo uỷ quyền của cổ đông biểu quyết (*Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến*) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

b) Khi tiến hành biểu quyết từng nội dung tại Đại hội: các cổ đông biểu quyết *đồng ý* thông qua thì giơ phiếu biểu quyết "**Đồng ý**" (*màu xanh*) lên cao. Các cổ đông không đồng ý hoặc không có ý kiến sẽ chưa biểu quyết lần này. Thành viên Ban kiểm phiếu sẽ ghi số phiếu biểu quyết "**Đồng ý**". Tiếp theo, tương tự, theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông *không đồng ý* hoặc *không có ý kiến* sẽ lần lượt giơ phiếu biểu quyết *màu hồng* hoặc *màu trắng* tương ứng. Thành viên Ban kiểm phiếu sẽ ghi số phiếu biểu quyết "**Không đồng ý**" hoặc "**Không có ý kiến**" tương ứng. Các cổ đông vì những lý do cá nhân mà không tham gia biểu quyết khi Đại hội tiến hành biểu quyết của từng nội dung thì toàn bộ số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông hoặc đại diện cổ đông đã đăng ký khi tham dự Đại hội được hiểu rằng cổ đông hoặc đại diện cổ đông đó đã biểu quyết "**Đồng ý**" cho nội dung Đại hội tiến hành biểu quyết.

c) Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.

11.3 Thể lệ biểu quyết:

a) Cứ 01 (*một*) cổ phần tương đương với 01 (*một*) quyền biểu quyết.

b) Các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có trên 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đồng ý:

- Thông qua báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2022, định hướng năm 2023;
- Thông qua báo cáo của BKS;
- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2022; Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán; Kế hoạch SXKD năm 2023; Kế hoạch đầu tư năm 2023, kế hoạch đề tài sản phẩm mới năm 2023;
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022; Thù lao HĐQT & BKS năm 2022; Phương án thù lao HĐQT & BKS năm 2023;
- Thông qua phương án lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

CHƯƠNG V: THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

Điều 12: Thảo luận tại Đại hội

12.1 Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

- Cổ đông có ý kiến có thể đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Ban Thư ký Đại hội hoặc thảo luận trực tiếp thông qua micro do Ban tổ chức chuyển tới.

- Ban Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch.

12.2 Trả lời ý kiến thắc mắc của cổ đông

Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông do Ban Thư ký tập hợp, sắp xếp và trình lên Đoàn chủ tịch hoặc các ý kiến trực tiếp của cổ đông tại Đại hội, Chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp các ý kiến thắc mắc của cổ đông.

CHƯƠNG VI: KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13: Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội ghi vào sổ Biên bản Đại hội. Biên bản Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14: Điều khoản thi hành

Dự thảo Quy chế này gồm 7 chương 14 điều, để trình ĐHCĐ thường niên năm 2023 xem xét, thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

HƯỚNG DẪN BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BUU ĐIỆN

I. Các nội dung biểu quyết tại Đại hội

Trong toàn bộ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện sẽ có 12 nội dung biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay và bằng phiếu biểu quyết, cụ thể như sau:

Stt	Nội dung biểu quyết	Hình thức biểu quyết
1	Thông qua: Nhân sự tham gia Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, do Chủ tịch HĐQT giới thiệu	Bằng hình thức giơ tay
2	Thông qua: Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, tuyên bố điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty	Bằng hình thức giơ tay
3	Thông qua Nội dung chương trình họp, Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 do Đoàn Chủ tịch báo cáo	Bằng hình thức giơ tay
4	Thông qua nhận sự Ban kiểm phiếu và Tổ kỹ thuật giúp việc Ban kiểm phiếu	Bằng hình thức giơ tay
5	Thông qua Hướng dẫn biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	Bằng hình thức giơ tay
6	Thông qua báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2022; Định hướng năm 2023	Bằng phiếu biểu quyết
7	Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát	Bằng phiếu biểu quyết
8	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2022; BCTC năm 2022 đã được kiểm toán; Kế hoạch SXKD năm 2023; Kế hoạch Đầu tư năm 2023, kế hoạch đề tài sản phẩm mới năm 2023	Bằng phiếu biểu quyết
9	Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022; Thù lao của HĐQT & BKS năm 2022; Phương án thù lao HĐQT & BKS 2023	Bằng phiếu biểu quyết
10	Thông qua Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.	Bằng phiếu biểu quyết
11	Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	Bằng hình thức giơ tay
12	Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	Bằng hình thức giơ tay

Các cổ đông tham dự Đại hội sẽ được phát 01 bộ phiếu biểu quyết để biểu quyết cho các nội dung tại Đại hội (Bao gồm: Phiếu biểu quyết “**Đồng ý**” (*màu xanh*); Phiếu biểu quyết “**Không đồng ý**” (*màu hồng*); Phiếu biểu quyết “**Không có ý kiến**” (*màu trắng*)).

Trên mỗi phiếu biểu quyết ghi rõ **Mã số cổ đông** và **Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết** của từng cổ đông đã đăng ký dự đại hội (bao gồm có cổ phần sở hữu và cổ phần đại diện theo uỷ quyền (*nếu có*)).

Khi nhận phiếu biểu quyết tham dự Đại hội, cổ đông phải kiểm tra lại xem tổng số cổ phần ghi trên các tờ phiếu có đúng bằng số cổ phần mình đã đăng ký hay không. Nếu không đúng thì gặp ngay Ban kiểm tra tư cách cổ đông để kiểm tra và xác nhận lại.

Những phiếu không hợp lệ là

- Phiếu không do Ban Tổ chức phát hành.
- Phiếu có tẩy, sửa chữa nội dung mà không có xác nhận (trong trường hợp phiếu viết tay phải có xác nhận của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông).

II, Hướng dẫn biểu quyết:

- Trong quá trình đại hội, khi biểu quyết đến nội dung nào thì các cổ đông sẽ dùng đúng phiếu biểu quyết (với màu tương ứng) biểu quyết cho nội dung đó để thể hiện **chính kiến** của mình **trên nguyên tắc mỗi cổ đông chỉ biểu quyết một lần cho một nội dung biểu quyết.**
- Khi bắt đầu biểu quyết Chủ tịch đoàn sẽ hướng dẫn biểu quyết theo thứ tự sau:
 - + “**Đồng ý**”: cổ đông nào đồng ý sẽ giơ phiếu biểu quyết “**Đồng ý**” (*màu xanh*), Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số biểu quyết **đồng ý**. Các cổ đông **không đồng ý** hay **không có ý kiến** sẽ chưa giơ phiếu biểu quyết lúc này.
 - + “**Không đồng ý**”: cổ đông nào không đồng ý sẽ giơ phiếu biểu quyết “**Không đồng ý**” (*màu hồng*), Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số biểu quyết **không đồng ý**. Các cổ đông **không có ý kiến** sẽ chưa giơ phiếu biểu quyết lúc này.
 - + “**Không có ý kiến**”: các cổ đông không có ý kiến gì chưa bỏ phiếu trong 2 lần trên sẽ dùng phiếu biểu quyết “**Không có ý kiến**” (*màu trắng*) để giơ biểu quyết và Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số biểu quyết **không có ý kiến**.

Căn cứ xác định tổng số cổ phần tham gia biểu quyết của từng nội dung là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Ban kiểm phiếu và Tổ kỹ thuật giúp việc Ban kiểm phiếu sẽ kiểm phiếu và kết quả được ghi đầy đủ vào Biên bản kiểm phiếu và Biên bản Đại hội.

Các nội dung được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 sẽ được thông qua khi tổng số cổ phần có quyền biểu quyết “**Đồng ý**” đạt được tỷ lệ theo quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đối với từng nội dung.

**TM. BAN KIỂM PHIẾU
TRƯỞNG BAN**

